



Baigiangtext

chủ nghĩa xã hội khoa học (Thuongmai University)



Scan to open on Studeersnel

TRƯỜNG ĐẠI HỌC THƯƠNG MẠI
BỘ MÔN TRIẾT HỌC



HỌC PHẦN
CHỦ NGHĨA XÃ HỘI KHOA HỌC
BÀI GIẢNG TEXT

Hà Nội, 2023

MỤC LỤC

Trang

Chương 1.

NHẬP MÔN CHỦ NGHĨA XÃ HỘI KHOA HỌC.....	1
I. SỰ RA ĐỜI CỦA CHỦ NGHĨA XÃ HỘI KHOA HỌC	1
1. Hoàn cảnh lịch sử ra đời Chủ nghĩa xã hội khoa học.....	1
2. Vai trò của C. Mác và Ph. Ăngghen.....	2
II. CÁC GIAI ĐOẠN PHÁT TRIỂN CƠ BẢN CỦA CHỦ NGHĨA XÃ HỘI KHOA HỌC.....	4
1. C. Mác và Ph. Ăngghen phát triển Chủ nghĩa xã hội khoa học	4
2. V.I. Lênin vận dụng và phát triển Chủ nghĩa xã hội khoa học trong điều kiện mới	5
3. Sự vận dụng và phát triển sáng tạo Chủ nghĩa xã hội khoa học từ sau khi V.I. Lênin qua đời đến nay	7
III. ĐỐI TƯỢNG, PHƯƠNG PHÁP VÀ Ý NGHĨA CỦA VIỆC NGHIÊN CỨU CHỦ NGHĨA XÃ HỘI KHOA HỌC	9
1. Đối tượng, chức năng, nhiệm vụ nghiên cứu của Chủ nghĩa xã hội khoa học	9
2. Phương pháp nghiên cứu của Chủ nghĩa xã hội khoa học	10
3. Ý nghĩa của việc nghiên cứu Chủ nghĩa xã hội khoa học	11
SỨ MỆNH LỊCH SỬ CỦA GIAI CẤP CÔNG NHÂN.....	13
I. QUAN ĐIỂM CƠ BẢN CỦA CHỦ NGHĨA MÁC - LÊNIN VỀ GIAI CẤP CÔNG NHÂN VÀ SỨ MỆNH LỊCH SỬ THẾ GIỚI CỦA GIAI CẤP CÔNG NHÂN	13
1. Khái niệm và đặc điểm của giai cấp công nhân	13
2. Nội dung sứ mệnh lịch sử của giai cấp công nhân	14
3. Những điều kiện quy định và thực hiện sứ mệnh lịch sử của giai cấp công nhân	15
II. GIAI CẤP CÔNG NHÂN VÀ VIỆC THỰC HIỆN SỨ MỆNH LỊCH SỬ CỦA GIAI CẤP CÔNG NHÂN HIỆN NAY	17
1. Giai cấp công nhân hiện nay	17
2. Thực hiện sứ mệnh lịch sử của giai cấp công nhân trên thế giới hiện nay.....	18
III. SỨ MỆNH LỊCH SỬ CỦA GIAI CẤP CÔNG NHÂN VIỆT NAM	19
1. Khái niệm và đặc điểm của giai cấp công nhân Việt Nam.....	19

2. Nội dung sứ mệnh lịch sử của giai cấp công nhân Việt Nam hiện nay.....	20
3. Phương hướng và một số giải pháp chủ yếu để xây dựng giai cấp công nhân Việt Nam hiện nay.....	22
Chương 3	25
CHỦ NGHĨA XÃ HỘI VÀ THỜI KỲ QUÁ ĐỘ	25
LÊN CHỦ NGHĨA XÃ HỘI	25
I. CHỦ NGHĨA XÃ HỘI.....	25
1. Chủ nghĩa xã hội, giai đoạn đầu của hình thái kinh tế - xã hội cộng sản chủ nghĩa	25
2. Điều kiện ra đời của chủ nghĩa xã hội	26
3. Những đặc trưng cơ bản của chủ nghĩa xã hội	27
II. THỜI KỲ QUÁ ĐỘ LÊN CHỦ NGHĨA XÃ HỘI.....	29
1. Tính tất yếu khách quan của thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội	29
2. Đặc điểm của thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội	30
III. QUÁ ĐỘ LÊN CHỦ NGHĨA XÃ HỘI Ở VIỆT NAM	31
1. Đặc điểm quá độ lên chủ nghĩa xã hội ở Việt Nam là bỏ qua chế độ tư bản chủ nghĩa	31
2. Những đặc trưng của chủ nghĩa xã hội và phương hướng xây dựng chủ nghĩa xã hội ở Việt Nam hiện nay	32
Chương 4	35
DÂN CHỦ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VÀ NHÀ NƯỚC XÃ HỘI CHỦ NGHĨA	35
1. Dân chủ và sự ra đời, phát triển của dân chủ	35
2. Dân chủ xã hội chủ nghĩa	36
II. NHÀ NƯỚC XÃ HỘI CHỦ NGHĨA.....	37
1. Sự ra đời, khái niệm, bản chất, chức năng của nhà nước xã hội chủ nghĩa	37
2. Mối quan hệ giữa dân chủ xã hội chủ nghĩa và nhà nước xã hội chủ nghĩa	38
III. DÂN CHỦ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VÀ NHÀ NƯỚC PHÁP QUYỀN XÃ HỘI CHỦ NGHĨA Ở VIỆT NAM	38
1. Dân chủ xã hội chủ nghĩa ở Việt Nam	38
2. Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa ở Việt Nam	40
Chương 5	43
CƠ CẤU XÃ HỘI - GIAI CẤP VÀ LIÊN MINH GIAI CẤP.....	43

TÀNG LỚP TRONG THỜI KỲ QUÁ ĐỘ LÊN CHỦ NGHĨA XÃ HỘI.....	43
I. CƠ CẤU XÃ HỘI - GIAI CẤP TRONG THỜI KỲ QUÁ ĐỘ LÊN CHỦ NGHĨA XÃ HỘI	43
1. Khái niệm và vị trí của cơ cấu xã hội - giai cấp trong cơ cấu xã hội	43
2. Sự biến đổi có tính quy luật của cơ cấu xã hội - giai cấp trong thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội	44
II. LIÊN MINH GIAI CẤP, TÀNG LỚP TRONG THỜI KỲ QUÁ ĐỘ LÊN CHỦ NGHĨA XÃ HỘI	45
1. Tính tất yếu của liên minh giai cấp, tầng lớp trong thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội	45
2. Nội dung của liên minh giai cấp, tầng lớp trong thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội ..	46
III. CƠ CẤU XÃ HỘI - GIAI CẤP VÀ LIÊN MINH GIAI CẤP, TÀNG LỚP TRONG THỜI KỲ QUÁ ĐỘ LÊN CHỦ NGHĨA XÃ HỘI Ở VIỆT NAM.....	46
1. Cơ cấu xã hội - giai cấp trong thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội ở Việt Nam.....	46
2. Liên minh giai cấp, tầng lớp trong thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội ở Việt Nam	47
VẤN ĐỀ DÂN TỘC VÀ TÔN GIÁO	51
TRONG THỜI KỲ QUÁ ĐỘ LÊN CHỦ NGHĨA XÃ HỘI	51
I. DÂN TỘC TRONG THỜI KỲ QUÁ ĐỘ LÊN CHỦ NGHĨA XÃ HỘI	51
1. Khái niệm, đặc trưng cơ bản của dân tộc	51
2. Chủ nghĩa Mác - Lênin về vấn đề dân tộc.....	51
3. Dân tộc và quan hệ dân tộc ở Việt Nam.....	54
II. TÔN GIÁO TRONG THỜI KỲ QUÁ ĐỘ LÊN CHỦ NGHĨA XÃ HỘI	55
1. Quan điểm của chủ nghĩa Mác - Lênin về tôn giáo.....	55
2. Tôn giáo ở Việt Nam và chính sách tôn giáo của Đảng, Nhà nước ta hiện nay.....	59
III. QUAN HỆ DÂN TỘC VÀ TÔN GIÁO Ở VIỆT NAM	59
1. Đặc điểm quan hệ dân tộc và tôn giáo ở Việt Nam.....	59
2. Định hướng giải quyết mối quan hệ dân tộc và tôn giáo ở Việt Nam hiện nay	60
Chương 7	62
VẤN ĐỀ GIA ĐÌNH TRONG THỜI KỲ QUÁ ĐỘ	62
LÊN CHỦ NGHĨA XÃ HỘI	62

I. KHÁI NIỆM, VỊ TRÍ VÀ CHỨC NĂNG CỦA GIA ĐÌNH.....	62
1. Khái niệm gia đình	62
2. Vị trí của gia đình	62
3. Chức năng của gia đình	63
II. CƠ SỞ XÂY DỰNG GIA ĐÌNH TRONG THỜI KỲ QUÁ ĐỘ LÊN CHỦ NGHĨA XÃ HỘI	64
1. Cơ sở kinh tế - xã hội	64
2. Cơ sở chính trị - xã hội	64
3. Cơ sở văn hóa	64
4. Chế độ hôn nhân tiến bộ	64
III. XÂY DỰNG GIA ĐÌNH VIỆT NAM TRONG THỜI KỲ QUÁ ĐỘ LÊN CHỦ NGHĨA XÃ HỘI	65
1. Sự biến đổi quy mô của gia đình Việt Nam trong thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội	66
2. Biến đổi trong thực hiện các chức năng của gia đình.....	66
3. Biến đổi trong các mối quan hệ gia đình.....	67
4. Phương hướng cơ bản để xây dựng và phát triển gia đình Việt Nam trong thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội.....	67

Chương 1

NHẬP MÔN CHỦ NGHĨA XÃ HỘI KHOA HỌC

I. SỰ RA ĐỜI CỦA CHỦ NGHĨA XÃ HỘI KHOA HỌC

Chủ nghĩa xã hội khoa học được hiểu theo hai nghĩa:

- Theo nghĩa rộng: Chủ nghĩa xã hội khoa học là chủ nghĩa Mác - Lênin, luận giải từ góc độ triết học, kinh tế học chính trị và chính trị - xã hội về sự chuyển biến tất yếu từ chủ nghĩa tư bản lên chủ nghĩa xã hội và chủ nghĩa cộng sản.

- Theo nghĩa hẹp: Chủ nghĩa xã hội khoa học là một trong ba bộ phận hợp thành chủ nghĩa Mác - Lênin.

Trong khuôn khổ môn học này, Chủ nghĩa xã hội khoa học được nghiên cứu theo nghĩa hẹp.

1. Hoàn cảnh lịch sử ra đời Chủ nghĩa xã hội khoa học

a. Điều kiện kinh tế - xã hội

- Vào những năm 40 của thế kỷ XIX, cách mạng công nghiệp đã hoàn thành ở nước Anh và bắt đầu chuyển sang Pháp, Đức làm xuất hiện một lực lượng sản xuất mới, đó là nền đại công nghiệp. Nền đại công nghiệp phát triển làm cho phương thức sản xuất tư bản chủ nghĩa phát triển vượt bậc, là nguyên nhân làm xuất hiện mâu thuẫn giữa lực lượng sản xuất mang tính chất xã hội hóa với quan hệ sản xuất dựa trên chế độ chiếm hữu tư nhân tư bản chủ nghĩa về tư liệu sản xuất. Biểu hiện về mặt xã hội là mâu thuẫn giữa hai giai cấp có lợi ích cơ bản đối lập nhau: giai cấp công nhân và giai cấp tư sản.

- Nhiều phong trào đấu tranh của giai cấp công nhân đã nổ ra, giai cấp công nhân xuất hiện với tư cách là một lực lượng chính trị độc lập, đòi hỏi phải có lý luận cách mạng, khoa học dẫn đường. Đây chính là mảnh đất hiện thực cho sự ra đời của Chủ nghĩa xã hội khoa học.

b. Tiền đề khoa học tự nhiên và tư tưởng lý luận

- Tiền đề khoa học tự nhiên:

+ Học thuyết tiến hóa

+ Định luật bảo toàn và chuyển hóa năng lượng

+ Học thuyết tế bào

Các thành tựu trên không chỉ mở đường cho khoa học phát triển mà còn cung cấp cơ sở khoa học để khẳng định tính đúng đắn của chủ nghĩa duy vật biện chứng và tạo tiền đề cho sự ra đời của chủ nghĩa duy vật lịch sử, cung cấp cơ sở phương pháp luận cho các nhà sáng lập Chủ nghĩa xã hội khoa học nghiên cứu, giải thích những vấn đề lý luận chính trị - xã hội đương thời.

- *Tiền đề tư tưởng lý luận:*

+ Triết học cổ điển Đức với các nhà triết học tiêu biểu như Ph. Hêghen và L. Phoiơbắc.

+ Kinh tế chính trị học cổ điển Anh với các đại biểu là A. Smith và D. Ricacdo.

+ Chủ nghĩa xã hội không tưởng phê phán với các đại biểu là H. Xanh Ximông, S. Phuriê, R. Ôoen.

• *Giá trị của chủ nghĩa xã hội không tưởng phê phán:*

Thể hiện tinh thần phê phán, lên án chế độ quân chủ chuyên chế và chế độ tư bản chủ nghĩa.

Đưa ra nhiều luận điểm có giá trị về xã hội tương lai.

Thức tỉnh giai cấp công nhân và nhân dân lao động trong cuộc đấu tranh chống chế độ quân chủ chuyên chế và chế độ tư bản chủ nghĩa.

• *Hạn chế của chủ nghĩa xã hội không tưởng phê phán:*

Không phát hiện được quy luật vận động và phát triển của lịch sử xã hội loài người nói chung.

Không thấy được bản chất, quy luật vận động, phát triển của chủ nghĩa tư bản nói riêng.

Không phát hiện ra lực lượng xã hội tiên phong lãnh đạo cuộc cách mạng chuyển biến từ chủ nghĩa tư bản lên chủ nghĩa cộng sản là giai cấp công nhân.

Không chỉ ra được những biện pháp hữu hiệu để cải tạo xã hội áp bức, bất công đương thời, xây dựng xã hội mới tốt đẹp.

2. Vai trò của C. Mác và Ph. Ăngghen

a. *Sự chuyển biến lập trường triết học và lập trường chính trị*

- Khi mới bắt đầu tham gia hoạt động khoa học C. Mác và Ph. Ăngghen là thành viên của câu lạc bộ “Hêghen trẻ”, chịu ảnh hưởng bởi quan điểm triết học của Ph. Hêghen và L. Phoiơbắc.

- C. Mác và Ph. Ăngghen đã sớm nhận thấy những mặt tích cực và hạn chế trong triết học của Ph. Hêghen và L. Phoiơbắc.

- Hai ông đã kế thừa “cái hạt nhân hợp lý”, cải tạo và loại bỏ cái vỏ thần bí duy tâm, siêu hình để xây dựng lý thuyết mới: chủ nghĩa duy vật biện chứng.

- Thời kỳ 1843 - 1848 là thời kỳ chuyển biến lập trường triết học và chính trị của C. Mác và Ph. Ăngghen: từ thế giới quan duy tâm sang thế giới quan duy vật, từ lập trường dân chủ cách mạng sang lập trường cộng sản chủ nghĩa.

b. Ba phát kiến vĩ đại của C. Mác và Ph. Ăngghen

- *Chủ nghĩa duy vật lịch sử*: khẳng định về mặt triết học sự sụp đổ của chủ nghĩa tư bản và sự thắng lợi của chủ nghĩa xã hội đều tất yếu như nhau.

- *Học thuyết giá trị thặng dư*: là sự khẳng định về phương diện kinh tế sự diệt vong không tránh khỏi của chủ nghĩa tư bản và sự ra đời tất yếu của chủ nghĩa xã hội.

- *Học thuyết về sứ mệnh lịch sử toàn thế giới của giai cấp công nhân*: khắc phục một cách triệt để những hạn chế có tính lịch sử của chủ nghĩa xã hội không tưởng phê phán; luận chứng và khẳng định về phương diện chính trị - xã hội sự diệt vong không tránh khỏi của chủ nghĩa tư bản và sự thắng lợi tất yếu của chủ nghĩa xã hội.

c. Tuyên ngôn của Đảng Cộng sản đánh dấu sự ra đời của Chủ nghĩa xã hội khoa học

- Tháng 2 năm 1848 tác phẩm *Tuyên ngôn của Đảng Cộng sản* do C. Mác và Ph. Ăngghen soạn thảo được công bố trước toàn thế giới.

- *Tuyên ngôn của Đảng Cộng sản* đánh dấu sự ra đời của chủ nghĩa Mác với ba bộ phận hợp thành: triết học, kinh tế chính trị và chủ nghĩa xã hội khoa học.

- *Tuyên ngôn của Đảng Cộng sản* là cương lĩnh chính trị, là kim chỉ nam cho hoạt động của phong trào cộng sản và công nhân quốc tế; là ngọn cờ dẫn dắt giai cấp công nhân và nhân dân lao động toàn thế giới đấu tranh chống chủ nghĩa tư bản, giải phóng loài người khỏi mọi áp bức, bóc lột, bất công.

- Những luận điểm tiêu biểu trong *Tuyên ngôn của Đảng Cộng sản*:

+ Cuộc đấu tranh giai cấp trong lịch sử loài người đã phát triển đến một giai đoạn mà giai cấp công nhân không thể tự giải phóng mình nếu không đồng thời giải phóng vĩnh viễn toàn xã hội khỏi tình trạng áp bức, bóc lột, bất công. Giai cấp công nhân không

thể hoàn thành thắng lợi sứ mệnh lịch sử ấy nếu không tổ chức được chính đảng của giai cấp mình.

+ Sự sụp đổ của chủ nghĩa tư bản và sự thắng lợi của chủ nghĩa xã hội là tất yếu như nhau.

+ Giai cấp công nhân, do có địa vị kinh tế - xã hội đại diện cho lực lượng sản xuất tiên tiến nên có sứ mệnh thủ tiêu chủ nghĩa tư bản, đồng thời là lực lượng tiên phong trong quá trình xây dựng chủ nghĩa xã hội, chủ nghĩa cộng sản.

+ Những người cộng sản trong cuộc đấu tranh chống chủ nghĩa tư bản, cần thiết phải liên minh với các lực lượng dân chủ để đánh đổ chế độ phong kiến, đồng thời không quên đấu tranh cho mục tiêu cuối cùng là chủ nghĩa cộng sản. Những người cộng sản phải tiến hành cách mạng không ngừng và phải có chiến lược, sách lược khôn khéo và kiên quyết.

II. CÁC GIAI ĐOẠN PHÁT TRIỂN CƠ BẢN CỦA CHỦ NGHĨA XÃ HỘI KHOA HỌC

1. C. Mác và Ph. Ăngghen phát triển Chủ nghĩa xã hội khoa học

a. Thời kỳ từ năm 1848 đến Công xã Pari (1871)

Trên cơ sở tổng kết kinh nghiệm các cuộc cách mạng của giai cấp công nhân (1848 - 1852), C. Mác và Ph. Ăngghen đã phát triển nhiều nội dung của Chủ nghĩa xã hội khoa học:

- Tư tưởng về đập tan bộ máy nhà nước tư sản, thiết lập chuyên chính vô sản.
- Bổ sung tư tưởng về cách mạng không ngừng bằng sự kết hợp giữa đấu tranh của giai cấp vô sản với phong trào đấu tranh của giai cấp nông dân.
- Xây dựng khối liên minh công nhân - nông dân, đây là điều kiện tiên quyết đảm bảo cho cuộc cách mạng phát triển không ngừng để đi tới mục tiêu cuối cùng.

b. Thời kỳ sau Công xã Pari đến năm 1895

- Trên cơ sở tổng kết kinh nghiệm Công xã Pari, C. Mác và Ph. Ăngghen đã bổ sung và phát triển tư tưởng đập tan bộ máy nhà nước quan liêu, không đập tan toàn bộ bộ máy nhà nước tư sản nói chung; đồng thời thừa nhận Công xã Pari là một hình thái nhà nước của giai cấp công nhân.

- C. Mác và Ph. Ăngghen luận chứng sự ra đời, phát triển của Chủ nghĩa xã hội khoa học bắt nguồn từ chủ nghĩa xã hội không tưởng và đánh giá cao vai trò của các nhà xã hội chủ nghĩa không tưởng Anh, Pháp.

- C. Mác và Ph. Ăngghen đã xác định nhiệm vụ nghiên cứu của Chủ nghĩa xã hội khoa học là: “Nghiên cứu những điều kiện lịch sử và do đó, nghiên cứu chính ngay bản chất của sự biến đổi ấy và bằng cách ấy làm cho giai cấp hiện nay đang bị áp bức và có sứ mệnh hoàn thành sự nghiệp ấy hiểu rõ được những điều kiện và bản chất của sự nghiệp của chính họ”¹.

- C. Mác và Ph. Ăngghen yêu cầu phải tiếp tục, nghiên cứu, bổ sung và phát triển Chủ nghĩa xã hội khoa học phù hợp với điều kiện lịch sử mới.

2. V.I. Lênin vận dụng và phát triển Chủ nghĩa xã hội khoa học trong điều kiện mới

a. Thời kỳ trước Cách mạng Tháng Mười Nga

V.I. Lênin đã phát triển các nguyên lý của Chủ nghĩa xã hội khoa học trên những khía cạnh sau:

- Đấu tranh chống các trào lưu phi mácxít (chủ nghĩa dân túy tự do, phái kinh tế, phái mácxít hợp pháp) nhằm bảo vệ chủ nghĩa Mác, mở đường cho chủ nghĩa Mác thâm nhập vào nước Nga.

- Xây dựng lý luận về Đảng cách mạng kiểu mới của giai cấp công nhân, về các nguyên tắc tổ chức, cương lĩnh, sách lược trong nội dung hoạt động của Đảng.

- Hoàn chỉnh lý luận về cách mạng xã hội chủ nghĩa và chuyên chính vô sản, cách mạng dân chủ tư sản kiểu mới và các điều kiện tất yếu cho sự chuyển biến sang cách mạng xã hội chủ nghĩa. Xác định những vấn đề mang tính quy luật của cách mạng xã hội chủ nghĩa, vấn đề dân tộc và cương lĩnh dân tộc, đoàn kết và liên minh của giai cấp công nhân với nông dân và các tầng lớp lao động khác; những vấn đề về quan hệ quốc tế và chủ nghĩa quốc tế vô sản, quan hệ cách mạng xã hội chủ nghĩa với phong trào giải phóng dân tộc.

¹ C. Mác và Ph. Ăngghen (2002), *Toàn tập*, Nxb. Chính trị Quốc gia, Hà Nội, tập 20, tr.393.

- V.I. Lênin đã phát hiện ra quy luật phát triển không đều về kinh tế và chính trị của chủ nghĩa tư bản trong thời kỳ chủ nghĩa đế quốc và đi đến kết luận: cách mạng vô sản có thể nổ ra và thắng lợi ở một số nước, thậm chí ở một nước riêng lẻ, nơi chủ nghĩa tư bản chưa phải là phát triển nhất, nhưng là khâu yếu nhất trong sợi dây chuyền tư bản chủ nghĩa.

- V.I. Lênin đã luận giải về chuyên chính vô sản, xác định bản chất dân chủ của chế độ chuyên chính vô sản; phân tích mối quan hệ giữa chức năng thống trị và chức năng xã hội của chuyên chính vô sản. Hệ thống chuyên chính vô sản được xác định với 3 bộ phận cấu thành: Đảng Bôn-sê-vich lãnh đạo, Nhà nước Xô viết quản lý và tổ chức công đoàn.

- V.I. Lênin đã trực tiếp lãnh đạo Đảng của giai cấp công nhân Nga tập hợp lực lượng đấu tranh chống chế độ chuyên chế Nga hoàng, tiến tới giành chính quyền về tay giai cấp công nhân và nhân dân lao động Nga.

b. Thời kỳ từ sau Cách mạng Tháng Mười Nga (1917) đến năm 1924

Chủ nghĩa xã hội khoa học đã được phát triển ở những nội dung sau:

- *Về chuyên chính vô sản:* V.I. Lênin coi đây là một hình thức nhà nước mới - nhà nước dân chủ, thực hiện dân chủ đối với người vô sản và nói chung là những người không có của, chuyên chính với giai cấp tư sản. Cơ sở và nguyên tắc cao nhất của chuyên chính vô sản là liên minh giữa công nhân với nông dân và các tầng lớp lao động khác dưới sự lãnh đạo của đảng của giai cấp công nhân để thực hiện nhiệm vụ thủ tiêu mọi chế độ người bóc lột người, xây dựng chủ nghĩa xã hội.

- *Về thời kỳ quá độ chính trị từ chủ nghĩa tư bản lên chủ nghĩa cộng sản:* V.I. Lênin xác định đây là thời kỳ đấu tranh kiên trì, đổ máu và không đổ máu, bạo lực và hòa bình, bằng quân sự và kinh tế, bằng giáo dục và hành chính để chống lại những thế lực và những tập tục của xã hội cũ, xây dựng xã hội mới.

- *Về chế độ dân chủ:* V.I. Lênin khẳng định chỉ có dân chủ tư sản hoặc dân chủ xã hội chủ nghĩa, không có dân chủ thuần túy hay dân chủ nói chung. Sự khác nhau căn bản giữa hai chế độ dân chủ này là “chế độ dân chủ vô sản so với bất cứ chế độ dân chủ tư

sản nào, cũng dân chủ hơn gấp triệu lần: chính quyền Xô viết so với nước cộng hòa tư sản dân chủ nhất thì cũng dân chủ hơn gấp triệu lần”².

- Về cải cách hành chính bộ máy nhà nước: Sau khi bước vào thời kỳ xây dựng xã hội mới, V.I. Lênin cho rằng phải có một đội ngũ những người cộng sản đã được tôi luyện và tiếp sau là phải có một bộ máy nhà nước tinh gọn, không hành chính, quan liêu.

- Về cương lĩnh xây dựng chủ nghĩa xã hội ở nước Nga: V.I. Lênin đã đưa ra nhiều luận điểm khoa học về xây dựng chủ nghĩa xã hội trên các lĩnh vực: kinh tế, chính trị, văn hóa, xã hội....

3. Sự vận dụng và phát triển sáng tạo Chủ nghĩa xã hội khoa học từ sau khi V.I. Lênin qua đời đến nay

Công lao vĩ đại của V.I. Lênin là đã biến Chủ nghĩa xã hội khoa học từ lý luận thành hiện thực, được đánh dấu bằng sự ra đời của Nhà nước xã hội chủ nghĩa đầu tiên trên thế giới - Nhà nước Xô viết (1917)

a. Thời kỳ từ năm 1924 đến trước năm 1991

- Hội nghị đại biểu các Đảng Cộng sản và công nhân quốc tế họp tại Mátxcova tháng 11-1957 tổng kết và thông qua 9 quy luật của công cuộc cải tạo xã hội chủ nghĩa và xây dựng chủ nghĩa xã hội.

- Hội nghị đại biểu của 81 Đảng Cộng sản và công nhân quốc tế tại Mátxcova tháng Giêng năm 1960 đã phân tích tình hình quốc tế và những vấn đề cơ bản của thế giới, đưa ra khái niệm về “thời đại ngày nay” và xác định nhiệm vụ hàng đầu của các Đảng Cộng sản và công nhân là bảo vệ hòa bình, ngăn chặn bọn đế quốc hiếu chiến phát động chiến tranh, tăng cường đoàn kết phong trào cộng sản đấu tranh cho hòa bình, dân chủ và chủ nghĩa xã hội.

- Sau Hội nghị Mátxcova (1960), hoạt động lý luận và thực tiễn của các Đảng Cộng sản được tăng cường hơn trước. Tuy nhiên, trong phong trào cộng sản quốc tế vẫn tồn tại những bất đồng và vẫn tiếp tục diễn ra cuộc đấu tranh gay gắt giữa những người theo chủ nghĩa Mác - Lênin với những người theo chủ nghĩa xét lại và chủ nghĩa giáo điều biệt phái.

² V.I. Lênin (2005), *Toàn tập*, Nxb. Chính trị Quốc gia, Hà Nội, tập 37, tr.312-313.

b. Từ năm 1991 đến nay

- Đến cuối thập niên 80, đầu thập niên 90 của thế kỷ XX, do tác động tiêu cực, phức tạp từ bên trong và bên ngoài, mô hình chế độ xã hội chủ nghĩa ở Liên Xô và Đông Âu sụp đổ, hệ thống xã hội chủ nghĩa tan rã, chủ nghĩa xã hội đứng trước thử thách lớn đòi hỏi phải vượt qua.

- Sau khi chủ nghĩa xã hội hiện thực ở Liên Xô và Đông Âu sụp đổ, một số nước xã hội chủ nghĩa hoặc có xu hướng xã hội chủ nghĩa tiếp tục kiên trì hệ tư tưởng Mác - Lênin, Chủ nghĩa xã hội khoa học, từng bước giữ ổn định để cải cách, đổi mới và phát triển.

+ Trung Quốc: Đảng Cộng sản Trung Quốc từ khi thành lập đến nay đã trải qua 3 thời kỳ lớn: cách mạng, xây dựng và cải cách, mở cửa hướng tới “xây dựng chủ nghĩa xã hội mang đặc sắc Trung Quốc”. Từ sau khi thực hiện đường lối cải cách mở cửa (năm 1978), Đảng Cộng sản Trung Quốc kiên trì phương châm: “cầm quyền khoa học, cầm quyền dân chủ, cầm quyền theo pháp luật”; “tất cả vì nhân dân”, “tất cả dựa vào nhân dân” và thực hiện 5 nguyên tắc, 5 kiên trì. Qua 40 năm thực hiện cải cách, mở cửa, Trung Quốc đã trở thành cường quốc kinh tế thế giới.

+ Việt Nam: công cuộc đổi mới do Đảng Cộng sản Việt Nam khởi xướng và lãnh đạo bắt đầu từ Đại hội Đảng lần thứ VI (1986) đã giành được nhiều thành tựu to lớn có ý nghĩa lịch sử. Qua đó có những đóng góp to lớn vào kho tàng lý luận của chủ nghĩa Mác - Lênin:

Độc lập dân tộc gắn liền với chủ nghĩa xã hội là quy luật của cách mạng Việt Nam trong điều kiện hiện nay.

Kết hợp chặt chẽ giữa đổi mới kinh tế với đổi mới chính trị, lấy đổi mới kinh tế làm trung tâm, từng bước đổi mới về chính trị, đảm bảo giữ vững ổn định chính trị, tạo môi trường thuận lợi để phát triển kinh tế, xã hội; thực hiện gắn phát triển kinh tế là nhiệm vụ trung tâm và xây dựng Đảng là khâu then chốt với phát triển văn hóa là nền tảng tinh thần của xã hội, tạo ba trụ cột cho sự phát triển nhanh và bền vững ở nước ta.

Xây dựng và phát triển kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa, tăng cường vai trò kiến tạo, quản lý của Nhà nước. Giải quyết đúng đắn mối quan hệ giữa tăng trưởng, phát triển kinh tế với đảm bảo tiến bộ và công bằng xã hội. Xây dựng phát triển

kinh tế phải đi đôi với giữ gìn, phát huy bản sắc văn hóa dân tộc và bảo vệ môi trường sinh thái.

Phát huy dân chủ, xây dựng Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa, đổi mới và hoàn thiện hệ thống chính trị, từng bước xây dựng và hoàn thiện nền dân chủ xã hội chủ nghĩa bảo đảm toàn bộ quyền lực thuộc về nhân dân.

Mở rộng và phát huy khối đại đoàn kết toàn dân tộc, phát huy sức mạnh của mọi giai cấp và tầng lớp nhân dân, mọi thành phần dân tộc và tôn giáo, mọi công dân Việt Nam ở trong nước hay nước ngoài, tạo nên sự thống nhất và đồng thuận xã hội.

Mở rộng quan hệ đối ngoại, thực hiện hội nhập quốc tế, tranh thủ tối đa sự đồng tình, ủng hộ và giúp đỡ của nhân dân thế giới, khai thác mọi khả năng có thể hợp tác nhằm mục tiêu xây dựng và phát triển đất nước theo định hướng xã hội chủ nghĩa, kết hợp sức mạnh dân tộc với sức mạnh thời đại.

Giữ vững và tăng cường vai trò lãnh đạo của Đảng Cộng sản Việt Nam - nhân tố quan trọng hàng đầu bảo đảm thắng lợi của sự nghiệp đổi mới, hội nhập và phát triển đất nước.

Những thành tựu của hơn 35 năm thực hiện công cuộc đổi mới và hơn 30 năm thực hiện *Cương lĩnh xây dựng đất nước trong thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội* năm 1991, đặc biệt trong hơn 10 năm thực hiện Cương lĩnh (bổ sung, phát triển năm 2011) đã tiếp tục khẳng định đường lối đổi mới của Đảng ta là đúng đắn, sáng tạo.

+ Ngoài ra, những đóng góp của Đảng Cộng sản Cuba, Đảng Nhân dân cách mạng Lào và phong trào cộng sản và công nhân quốc tế cũng bổ sung, góp phần vào sự phát triển lý luận của chủ nghĩa Mác - Lênin trong thời đại mới.

III. ĐỐI TƯỢNG, PHƯƠNG PHÁP VÀ Ý NGHĨA CỦA VIỆC NGHIÊN CỨU CHỦ NGHĨA XÃ HỘI KHOA HỌC

1. Đối tượng, chức năng, nhiệm vụ nghiên cứu của Chủ nghĩa xã hội khoa học

a. Đối tượng nghiên cứu của Chủ nghĩa xã hội khoa học

Chủ nghĩa xã hội khoa học nghiên cứu những quy luật, tính quy luật chính trị - xã hội của quá trình phát sinh, hình thành và phát triển của hình thái kinh tế - xã hội cộng sản chủ nghĩa mà giai đoạn đầu là chủ nghĩa xã hội; những nguyên tắc cơ bản, những điều kiện, những con đường và hình thức, phương pháp đấu tranh cách mạng của giai

cấp công nhân và nhân dân lao động nhằm hiện thực hóa sự chuyển biến từ chủ nghĩa tư bản lên chủ nghĩa xã hội và chủ nghĩa cộng sản.

b. Chức năng của Chủ nghĩa xã hội khoa học

Chủ nghĩa xã hội khoa học có chức năng giác ngộ, hướng dẫn giai cấp công nhân thực hiện sứ mệnh lịch sử của mình trong ba thời kỳ: đấu tranh lật đổ sự thống trị của giai cấp tư sản, giành chính quyền; thiết lập sự thống trị của giai cấp công nhân, thực hiện sự nghiệp cải tạo và xây dựng chủ nghĩa xã hội; phát triển chủ nghĩa xã hội tiến lên chủ nghĩa cộng sản.

c. Nhiệm vụ của Chủ nghĩa xã hội khoa học

- Luận chứng một cách khoa học tính tất yếu về mặt lịch sử sự thay thế chủ nghĩa tư bản bằng chủ nghĩa xã hội, chủ nghĩa cộng sản gắn liền với việc thực hiện sứ mệnh lịch sử thế giới của giai cấp công nhân.

- Luận giải một cách khoa học về những nguyên tắc cơ bản, những điều kiện, những con đường và hình thức, phương pháp đấu tranh cách mạng của giai cấp công nhân và nhân dân lao động nhằm hiện thực hóa sự chuyển biến từ chủ nghĩa tư bản lên chủ nghĩa xã hội và chủ nghĩa cộng sản.

- Đấu tranh bác bỏ những trào lưu tư tưởng chống cộng, chống chủ nghĩa xã hội, bảo vệ sự trong sáng của chủ nghĩa Mác - Lênin và thành quả của cách mạng xã hội chủ nghĩa.

2. Phương pháp nghiên cứu của Chủ nghĩa xã hội khoa học

- Phương pháp luận: chủ nghĩa duy vật biện chứng và chủ nghĩa duy vật lịch sử của triết học Mác - Lênin.

- Phương pháp nghiên cứu cụ thể:

+ Phương pháp kết hợp logic và lịch sử.

+ Phương pháp khảo sát và phân tích về mặt chính trị - xã hội dựa trên các điều kiện kinh tế - xã hội cụ thể.

+ Phương pháp so sánh.

+ Phương pháp có tính liên ngành: tổng hợp, thống kê, so sánh, điều tra xã hội học, sơ đồ hóa, mô hình hóa...

+ Phương pháp tổng kết thực tiễn, nhất là thực tiễn về chính trị - xã hội.

3. Ý nghĩa của việc nghiên cứu Chủ nghĩa xã hội khoa học

a. Về mặt lý luận

- Trang bị những nhận thức chính trị - xã hội và phương pháp luận khoa học về quá trình tất yếu lịch sử dẫn đến sự hình thành, phát triển hình thái kinh tế - xã hội cộng sản chủ nghĩa, giải phóng xã hội, giải phóng con người.

- Góp phần định hướng chính trị - xã hội cho hoạt động thực tiễn của Đảng Cộng sản, Nhà nước xã hội chủ nghĩa và nhân dân trong cách mạng xã hội chủ nghĩa, trong công cuộc xây dựng và bảo vệ Tổ quốc xã hội chủ nghĩa.

- Trang bị nhận thức khoa học để người học có căn cứ nhận thức khoa học để cảnh giác, phân tích đúng và đấu tranh chống lại những nhận thức sai lệch, những tuyên truyền chống phá của chủ nghĩa đế quốc và bọn phản động, đi ngược lại xu thế, lợi ích của nhân dân, dân tộc và nhân loại tiến bộ.

b. Về mặt thực tiễn

- củng cố niềm tin vào sự thắng lợi tất yếu của chủ nghĩa xã hội, chủ nghĩa cộng sản trên phạm vi toàn thế giới.

- Trên cơ sở những nhận thức khoa học, giúp người học hình thành niềm tin khoa học vào mục tiêu lý tưởng xã hội chủ nghĩa và con đường đi lên chủ nghĩa xã hội mà Đảng và nhân dân Việt Nam đã lựa chọn.

- Giúp người học nhận thức rõ được trách nhiệm của mình đối với sự nghiệp xây dựng xã hội xã hội chủ nghĩa và cộng sản chủ nghĩa ở Việt Nam.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Bộ Giáo dục và Đào tạo (2021), *Giáo trình Chủ nghĩa xã hội khoa học* (Dành cho bậc đại học hệ không chuyên lý luận chính trị), Nxb. Chính trị Quốc gia Sự thật, Hà Nội, 2021.
2. Hội đồng Trung ương chỉ đạo biên soạn giáo trình Quốc gia các bộ môn khoa học Mác - Lênin (2018), tư tưởng Hồ Chí Minh, *Giáo trình Chủ nghĩa xã hội khoa học*, Nxb. Chính trị Quốc gia Sự thật, Hà Nội.

3. GS. Đỗ Tư, GS.PTS. Trịnh Quốc Tuấn, PGS.PTS. Nguyễn Đức Bách (Đồng chủ biên) (1998), *Lược khảo lịch sử tư tưởng xã hội chủ nghĩa và cộng sản chủ nghĩa*, Nxb. Chính trị Quốc gia, Hà Nội.

Chương 2

SỨ MỆNH LỊCH SỬ CỦA GIAI CẤP CÔNG NHÂN

I. QUAN ĐIỂM CƠ BẢN CỦA CHỦ NGHĨA MÁC - LÊNIN VỀ GIAI CẤP CÔNG NHÂN VÀ SỨ MỆNH LỊCH SỬ THẾ GIỚI CỦA GIAI CẤP CÔNG NHÂN

1. Khái niệm và đặc điểm của giai cấp công nhân

a. Khái niệm giai cấp công nhân

- Hai phương diện cơ bản xác định giai cấp công nhân:

+ Về phương diện kinh tế - xã hội: Là sản phẩm và là chủ thể của nền sản xuất đại công nghiệp, giai cấp công nhân là những người lao động bằng phương thức công nghiệp ngày càng hiện đại với đặc điểm nổi bật: sản xuất bằng máy móc, lao động có tính chất xã hội hóa, năng suất lao động cao và tạo ra những tiền đề của cải vật chất cho xã hội mới.

+ Về phương diện chính trị - xã hội: Trong quan hệ sản xuất tư bản chủ nghĩa, giai cấp công nhân là những người lao động không sở hữu tư liệu sản xuất chủ yếu, phải bán sức lao động cho nhà tư bản và bị nhà tư bản bóc lột giá trị thặng dư.

- Khái niệm giai cấp công nhân:

Giai cấp công nhân là một tập đoàn xã hội, hình thành và phát triển cùng với quá trình phát triển của nền công nghiệp hiện đại; họ lao động bằng phương thức công nghiệp ngày càng hiện đại và gắn liền với quá trình sản xuất vật chất mang tính hiện đại, là đại biểu cho phương thức sản xuất mang tính xã hội hóa ngày càng cao. Họ là người làm thuê do không có tư liệu sản xuất, buộc phải bán sức lao động để sống và bị giai cấp tư sản bóc lột giá trị thặng dư; vì vậy lợi ích cơ bản của họ đối lập với lợi ích cơ bản của giai cấp tư sản. Đó là giai cấp có sứ mệnh phủ định chế độ tư bản chủ nghĩa, xây dựng thành công chủ nghĩa xã hội, chủ nghĩa cộng sản trên toàn thế giới.

b. Đặc điểm của giai cấp công nhân

- Lao động bằng phương thức công nghiệp.
- Là giai cấp có tinh thần cách mạng triệt để nhất.
- Là giai cấp có tính tổ chức, kỷ luật cao nhất.

- Là giai cấp có bản chất quốc tế.

2. Nội dung sứ mệnh lịch sử của giai cấp công nhân

- *Sứ mệnh lịch sử tổng quát của giai cấp công nhân:* thông qua chính đảng tiên phong, giai cấp công nhân tổ chức, lãnh đạo nhân dân lao động đấu tranh xóa bỏ các chế độ người bóc lột người, xóa bỏ chủ nghĩa tư bản, giải phóng giai cấp công nhân, nhân dân lao động khỏi mọi sự áp bức, bóc lột, nghèo nàn, lạc hậu, xây dựng xã hội cộng sản chủ nghĩa văn minh.

- *Sứ mệnh lịch sử của giai cấp công nhân thể hiện trên các nội dung cụ thể:*

+ *Nội dung kinh tế:*

Sản xuất ra của cải vật chất đáp ứng nhu cầu của xã hội. Bằng cách đó, giai cấp công nhân tạo tiền đề vật chất - kỹ thuật cho sự ra đời của xã hội mới.

Thiết lập quan hệ sản xuất mới dựa trên chế độ công hữu các tư liệu sản xuất chủ yếu của xã hội.

Ở các nước xã hội chủ nghĩa, giai cấp công nhân thông qua quá trình công nghiệp hóa, thiết lập “một kiểu tổ chức xã hội mới về lao động” để giải phóng và thúc đẩy sự phát triển của lực lượng sản xuất; thiết lập quan hệ sản xuất phù hợp với tính chất và trình độ phát triển của lực lượng sản xuất.

+ *Nội dung chính trị - xã hội:*

Giai cấp công nhân cùng với nhân dân lao động, dưới sự lãnh đạo của Đảng Cộng sản, tiến hành cách mạng chính trị để lật đổ quyền thống trị của giai cấp thống trị, xóa bỏ chế độ bóc lột, áp bức, giành chính quyền về tay giai cấp công nhân và nhân dân lao động.

Xây dựng nhà nước kiểu mới mang bản chất của giai cấp công nhân.

Xây dựng nền chính trị dân chủ - pháp quyền, quản lý kinh tế - xã hội và tổ chức đời sống xã hội phục vụ quyền lợi và lợi ích của nhân dân, thực hiện dân chủ, công bằng, bình đẳng và tiến bộ xã hội, theo lý tưởng và mục tiêu của chủ nghĩa xã hội.

Đối với những nước theo định hướng xã hội chủ nghĩa, nơi các Đảng Cộng sản đã trở thành đảng cầm quyền, sứ mệnh lịch sử của giai cấp công nhân là lãnh đạo thành công sự nghiệp đổi mới, giải quyết thành công các nhiệm vụ trong thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội, đặc biệt là xây dựng Đảng cầm quyền trong sạch, vững mạnh, thực

hiện thành công sự nghiệp công nghiệp hóa, hiện đại hóa, đưa đất nước phát triển nhanh, bền vững.

+ *Nội dung văn hóa, tư tưởng:*

Cải tạo cái cũ, lỗi thời, lạc hậu, xây dựng hệ giá trị mới: lao động, công bằng, dân chủ, bình đẳng và tự do.

Đấu tranh khắc phục ý thức hệ tư sản và các tàn dư còn sót lại của các hệ tư tưởng cũ. Xác lập và củng cố ý thức hệ tiên tiến của giai cấp công nhân, đó là chủ nghĩa Mác - Lênin.

Phát triển văn hóa, xây dựng con người mới, đạo đức và lối sống mới xã hội chủ nghĩa.

3. Những điều kiện quy định và thực hiện sứ mệnh lịch sử của giai cấp công nhân

a. Điều kiện khách quan quy định sứ mệnh lịch sử của giai cấp công nhân

- *Do địa vị kinh tế của giai cấp công nhân quy định:*

Giai cấp công nhân đại diện cho lực lượng sản xuất và phương thức sản xuất tiên tiến, hiện đại, là người sản xuất ra của cải vật chất chủ yếu cho xã hội, làm giàu cho xã hội; vì vậy:

+ Giai cấp công nhân có vai trò quyết định sự phát triển của xã hội hiện đại.

+ Giai cấp công nhân là lực lượng phá vỡ quan hệ sản xuất tư bản chủ nghĩa, thiết lập quan hệ sản xuất mới xã hội chủ nghĩa.

+ Giai cấp công nhân là lực lượng duy nhất có đủ điều kiện để tổ chức và lãnh đạo xây dựng xã hội mới không còn chế độ người áp bức, bóc lột người.

- *Do địa vị chính trị - xã hội của giai cấp công nhân quy định:*

+ Trong chủ nghĩa tư bản, giai cấp công nhân không có hoặc có rất ít tư liệu sản xuất, lợi ích của họ đối lập trực tiếp với lợi ích của giai cấp tư sản nên giai cấp công nhân có tinh thần cách mạng triệt để.

+ Là con đẻ của nền sản xuất đại công nghiệp nên giai cấp công nhân có những phẩm chất của một giai cấp tiên tiến, giai cấp cách mạng như: tính tổ chức và kỷ luật, tự giác và đoàn kết trong cuộc đấu tranh tự giải phóng mình và giải phóng xã hội.

+ Giai cấp công nhân được trang bị lý luận tiên tiến là chủ nghĩa Mác - Lênin.

b. Điều kiện chủ quan để giai cấp công nhân thực hiện sứ mệnh lịch sử

- Sự phát triển của bản thân giai cấp công nhân về số lượng và chất lượng:

+ Cùng với sự phát triển về quy mô của nền sản xuất vật chất hiện đại trên nền tảng công nghiệp, kỹ thuật và công nghệ là sự lớn mạnh về quy mô của giai cấp công nhân.

+ Sự phát triển về số lượng phải gắn với sự phát triển về chất lượng mới đảm bảo cho giai cấp công nhân thực hiện được sứ mệnh lịch sử của mình.

+ Chất lượng của giai cấp công nhân thể hiện ở trình độ trưởng thành về ý thức chính trị; năng lực và trình độ làm chủ về khoa học, công nghệ; trình độ học vấn, tay nghề, chuyên môn, nghiệp vụ, trong đó sự trưởng thành về ý thức chính trị đóng vai trò quan trọng.

+ Để phát triển giai cấp công nhân về số lượng và chất lượng, theo chủ nghĩa Mác - Lênin phải đặc biệt chú ý đến hai biện pháp cơ bản: phát triển công nghiệp và sự trưởng thành của Đảng Cộng sản.

- Đảng Cộng sản là nhân tố chủ quan quan trọng nhất để giai cấp công nhân thực hiện thắng lợi sứ mệnh lịch sử của mình.

+ Đảng Cộng sản - đội tiên phong của giai cấp công nhân đảm nhận vai trò lãnh đạo cuộc đấu tranh cách mạng của giai cấp công nhân. Sự ra đời của Đảng là dấu hiệu trưởng thành vượt bậc của giai cấp công nhân với tư cách là giai cấp cách mạng.

+ Quy luật ra đời của Đảng Cộng sản: chủ nghĩa Mác - Lênin kết hợp với phong trào công nhân.

+ Mối quan hệ giữa Đảng Cộng sản với giai cấp công nhân:

Giai cấp công nhân là cơ sở xã hội và nguồn bổ sung lực lượng cho Đảng, làm cho Đảng mang bản chất giai cấp công nhân.

Đảng Cộng sản là đại biểu trung thành cho lợi ích của giai cấp công nhân và nhân dân lao động, là nhân tố cơ bản bảo đảm cho giai cấp công nhân hoàn thành sứ mệnh lịch sử của mình:

Đảng Cộng sản là *lãnh tụ chính trị* của giai cấp công nhân và nhân dân lao động: bởi vì Đảng Cộng sản được trang bị lý luận Mác - Lênin, là đại biểu cho trí tuệ và lợi ích của giai cấp công nhân và nhân dân lao động. Đảng Cộng sản là tổ chức duy nhất có khả năng đề ra đường lối chính trị đúng đắn, đồng thời giáo dục, thuyết phục quần chúng thực hiện thắng lợi mục tiêu, đường lối đó.

Đảng Cộng sản là *bộ tham mưu chiến đấu* của giai cấp công nhân và nhân dân lao động. Đảng Cộng sản là tổ chức có vai trò quan trọng trong việc đưa ra những chiến lược, sách lược, phương án hữu hiệu, khả thi để giai cấp công nhân hoàn thành sứ mệnh lịch sử của mình. Đặc biệt, Đảng Cộng sản là tổ chức có trách nhiệm cao nhất trong công tác tổ chức, tuyển chọn sử dụng và bố trí sắp xếp cán bộ, tăng cường sức mạnh tổ chức của giai cấp công nhân.

Đảng Cộng sản là *đội tiên phong* của giai cấp công nhân và nhân dân lao động: bởi vì đội ngũ của Đảng bao gồm những người tiên tiến, ưu tú và gương mẫu nhất trong giai cấp công nhân và nhân dân lao động. Vì vậy mọi tư tưởng và hoạt động của đội ngũ đảng viên đều thể hiện tính gương mẫu đi đầu để giai cấp công nhân và quần chúng lao động noi theo.

- Phải có sự liên minh giữa giai cấp công nhân với giai cấp nông dân và các tầng lớp lao động khác do giai cấp công nhân lãnh đạo thông qua Đảng Cộng sản.

II. GIAI CẤP CÔNG NHÂN VÀ VIỆC THỰC HIỆN SỨ MỆNH LỊCH SỬ CỦA GIAI CẤP CÔNG NHÂN HIỆN NAY

1. Giai cấp công nhân hiện nay

a. Những điểm tương đối ổn định của giai cấp công nhân so với thế kỷ XIX

- Giai cấp công nhân hiện nay vẫn là lực lượng sản xuất hàng đầu của xã hội hiện đại, là chủ thể của quá trình sản xuất công nghiệp mang tính xã hội hóa ngày càng cao.

- Công nghiệp hóa vẫn là cơ sở khách quan để phát triển mạnh mẽ giai cấp công nhân về số lượng và chất lượng. Giữa sự phát triển của giai cấp công nhân và sự phát triển của kinh tế có tỷ lệ thuận.

- Ở các nước tư bản chủ nghĩa hiện nay, giai cấp công nhân vẫn bị giai cấp tư sản bóc lột giá trị thặng dư, do quan hệ sản xuất chiếm hữu tư nhân tư bản chủ nghĩa về tư liệu sản xuất vẫn là quan hệ sở hữu chủ đạo ở các nước này. Xung đột về lợi ích giữa giai cấp công nhân với giai cấp tư sản vẫn tồn tại là nguyên nhân cơ bản, sâu xa của đấu tranh giai cấp trong xã hội tư bản hiện đại ngày nay.

- Phong trào cộng sản và công nhân ở nhiều nước vẫn luôn là lực lượng đi đầu trong các cuộc đấu tranh vì hòa bình, hợp tác và phát triển, vì dân sinh, dân chủ, tiến bộ xã hội và chủ nghĩa xã hội.

b. Những biến đổi và khác biệt của giai cấp công nhân hiện đại

- Giai cấp công nhân hiện đại tăng nhanh về số lượng, thay đổi lớn về cơ cấu nghề nghiệp, cơ cấu thu nhập giữa các bộ phận công nhân rất khác nhau trên phạm vi toàn cầu cũng như trong mỗi quốc gia.

- Xu hướng “trí tuệ hóa” (trí thức hóa và trí thức hóa công nhân) tăng nhanh. Từ đó xuất hiện nhiều khái niệm mới để chỉ bộ phận công nhân này: “công nhân trí thức”, “công nhân tri thức”, “công nhân áo trắng”, lao động trình độ cao.

- Xu hướng “trung lưu hóa” gia tăng. Trong bối cảnh toàn cầu hóa, chủ nghĩa tư bản đã có một số điều chỉnh nhất định về phương thức quản lý và các biện pháp điều hòa mâu thuẫn xã hội. Vì vậy, một bộ phận công nhân đã tham gia vào sở hữu một lượng tư liệu sản xuất nhất định của xã hội thông qua chế độ cổ phần hóa. Về mặt hình thức, họ không còn là “vô sản” và có thể được “trung lưu hóa” về mức sống. Nhưng thực chất, lượng tư liệu sản xuất mà công nhân sở hữu được chiếm tỷ lệ không lớn nên họ không có quyền định đoạt quá trình sản xuất, không có quyền quyết định cơ chế phân phối lợi nhuận. Do đó, giai cấp công nhân vẫn bị bóc lột nặng nề.

- Ở các nước xã hội chủ nghĩa, giai cấp công nhân đã trở thành giai cấp lãnh đạo và Đảng Cộng sản trở thành Đảng cầm quyền.

2. Thực hiện sứ mệnh lịch sử của giai cấp công nhân trên thế giới hiện nay

a. Nội dung kinh tế

- Sự phát triển sản xuất của chủ nghĩa tư bản hiện nay với sự tham gia trực tiếp của giai cấp công nhân và các lực lượng lao động - dịch vụ trình độ cao là nhân tố kinh tế - xã hội thúc đẩy sự chín muồi các tiền đề của chủ nghĩa xã hội trong lòng chủ nghĩa tư bản. Đây là điều kiện để phát huy vai trò chủ thể của giai cấp công nhân trong cuộc đấu tranh vì dân sinh, dân chủ, tiến bộ xã hội và chủ nghĩa xã hội.

- Mâu thuẫn lợi ích cơ bản giữa giai cấp công nhân với giai cấp tư sản ngày càng sâu sắc, toàn cầu hóa vẫn mang đậm tính chất tư bản chủ nghĩa với những bất công và bất bình đẳng đã thúc đẩy cuộc đấu tranh chống chế độ bóc lột giá trị thặng dư trên phạm vi toàn thế giới, là tiền đề cho việc xác lập một trật tự thế giới mới công bằng và bình đẳng. Đó là sứ mệnh lịch sử của giai cấp công nhân hiện nay.

b. Nội dung chính trị xã hội

- Ở các nước tư bản chủ nghĩa:
 - + Mục tiêu đấu tranh trực tiếp của giai cấp công nhân và nhân dân lao động là chống bất công, bất bình đẳng xã hội.
 - + Mục tiêu lâu dài là giành chính quyền về tay giai cấp và nhân dân lao động.
- Ở các nước xã hội chủ nghĩa:
 - + Lãnh đạo thành công sự nghiệp đổi mới.
 - + Giải quyết các nhiệm vụ trong thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội: xây dựng Đảng cầm quyền trong sạch vững mạnh, thực hiện thành công sự nghiệp công nghiệp hóa, hiện đại hóa, đưa đất nước phát triển nhanh, bền vững.

c. Nội dung văn hóa, tư tưởng

- Thực hiện cuộc đấu tranh ý thức hệ giữa chủ nghĩa xã hội với chủ nghĩa tư bản.
- Đấu tranh nhằm hiện thực hóa các giá trị cao đẹp như: lao động, sáng tạo, công bằng, dân chủ, bình đẳng, tự do.
- Đấu tranh bảo vệ nền tảng tư tưởng của Đảng Cộng sản, giáo dục nhận thức và củng cố niềm tin khoa học, mục tiêu, lý tưởng xã hội chủ nghĩa cho giai cấp công nhân và nhân dân lao động.
- Giáo dục và thực hiện chủ nghĩa quốc tế chân chính của giai cấp công nhân trên cơ sở phát huy chủ nghĩa yêu nước và tinh thần dân tộc chân chính.

III. SỨ MỆNH LỊCH SỬ CỦA GIAI CẤP CÔNG NHÂN VIỆT NAM

1. Khái niệm và đặc điểm của giai cấp công nhân Việt Nam

- Khái niệm:

“Giai cấp công nhân Việt Nam là một lực lượng xã hội to lớn, đang phát triển bao gồm những người lao động chân tay và trí óc, làm công hưởng lương trong các loại hình sản xuất kinh doanh và dịch vụ công nghiệp hoặc sản xuất, kinh doanh, dịch vụ có tính chất công nghiệp”³ (Văn kiện Hội nghị lần thứ sáu Ban chấp hành Trung ương Đảng khóa X năm 2008).

- Đặc điểm của giai cấp công nhân Việt Nam:

- + Giai cấp công nhân Việt Nam ra đời trước giai cấp tư sản và phát triển chậm.

³ Đảng Cộng sản Việt Nam (2008), *Văn kiện Đảng toàn tập*, Nxb. Chính trị quốc gia, tập 67, tr.72.

+ Giai cấp công nhân Việt Nam sớm được tôi luyện trong đấu tranh cách mạng chống thực dân, đế quốc nên trưởng thành nhanh chóng về ý thức chính trị, sớm giác ngộ mục tiêu, lý tưởng cách mạng; là giai cấp có tinh thần cách mạng triệt để. Từ khi Đảng Cộng sản Việt Nam ra đời, giai cấp công nhân trở thành giai cấp lãnh đạo cách mạng Việt Nam.

+ Giai cấp công nhân Việt Nam gắn bó mật thiết với nhân dân lao động, với dân tộc, tạo thành động lực thúc đẩy đoàn kết giai cấp gắn liền với đoàn kết dân tộc trong mọi thời kỳ đấu tranh cách mạng.

- Hiện nay, giai cấp công nhân Việt Nam có nhiều biến đổi do tác động của tình hình kinh tế - xã hội trong nước và quốc tế. Những biến đổi của giai cấp công nhân Việt Nam thể hiện ở những điểm sau đây:

+ Giai cấp công nhân Việt Nam hiện nay tăng nhanh về số lượng, chất lượng, là giai cấp đi đầu trong sự nghiệp đẩy mạnh công nghiệp hóa, hiện đại hóa, gắn với phát triển kinh tế tri thức, bảo vệ tài nguyên và môi trường.

+ Giai cấp công nhân Việt Nam hiện nay đa dạng về cơ cấu nghề nghiệp, có mặt trong mọi thành phần kinh tế, nhưng đội ngũ công nhân trong khu vực kinh tế nhà nước là tiêu biểu, đóng vai trò nòng cốt, chủ đạo.

+ Công nhân tri thức nắm vững khoa học, công nghệ tiên tiến; công nhân trẻ được đào tạo theo chuẩn nghề nghiệp, học vấn, văn hóa, được rèn luyện trong thực tiễn sản xuất và thực tiễn xã hội là lực lượng lao động chủ đạo trong cơ cấu giai cấp công nhân, trong lao động và trong phong trào công đoàn.

2. Nội dung sứ mệnh lịch sử của giai cấp công nhân Việt Nam hiện nay

Sứ mệnh lịch sử tổng quát của giai cấp công nhân Việt Nam hiện nay là:

- Là giai cấp lãnh đạo cách mạng thông qua đội tiên phong là Đảng Cộng sản Việt Nam;

- Là giai cấp đại diện cho phương thức sản xuất tiên tiến; đi tiên phong trong sự nghiệp xây dựng chủ nghĩa xã hội, lực lượng đi đầu trong sự nghiệp công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước vì mục tiêu dân giàu, nước mạnh, xã hội công bằng, dân chủ, văn minh;

- Lực lượng nòng cốt trong liên minh giai cấp công nhân với giai cấp nông dân và đội ngũ trí thức dưới sự lãnh đạo của Đảng.

Sứ mệnh lịch sử của giai cấp công nhân Việt Nam trên các nội dung cụ thể:

a. Nội dung kinh tế

- Là nguồn lực lao động chủ yếu tham gia phát triển nền kinh tế thị trường hiện đại, định hướng xã hội chủ nghĩa.

- Phát huy vai trò và trách nhiệm của giai cấp công nhân với tư cách là lực lượng đi đầu trong sự nghiệp đẩy mạnh công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước - đây là vấn đề nổi bật nhất đối với việc thực hiện sứ mệnh lịch sử của giai cấp công nhân Việt Nam hiện nay nhằm:

+ Làm cho Việt Nam trở thành một nước công nghiệp theo hướng hiện đại, có nền công nghiệp hiện đại, định hướng xã hội chủ nghĩa trong một hai thập kỷ tới.

+ Phát triển kinh tế tri thức, bảo vệ tài nguyên và môi trường.

+ Tạo điều kiện khách quan thuận lợi để giai cấp công nhân phát triển cả về số lượng và chất lượng, khắc phục những nhược điểm, hạn chế vốn có do hoàn cảnh lịch sử và nguồn gốc xã hội sinh ra.

- Phát huy vai trò của giai cấp công nhân trong khối liên minh công nhân - nông dân - trí thức để tạo động lực phát triển nông nghiệp - nông thôn và nông dân nước ta theo hướng hiện đại, bền vững.

b. Nội dung chính trị - xã hội

- Giữ vững và tăng cường sự lãnh đạo của Đảng.

- Giữ vững bản chất giai cấp công nhân của Đảng, phát huy vai trò tiên phong, gương mẫu của cán bộ, đảng viên; ngăn chặn, đẩy lùi sự suy thoái về tư tưởng, chính trị, đạo đức, lối sống, “tự diễn biến, tự chuyển hóa” trong nội bộ.

- Giai cấp công nhân cần chủ động, tích cực tham gia xây dựng, chỉnh đốn Đảng; làm cho Đảng thực sự trong sạch, vững mạnh; bảo vệ Đảng, bảo vệ chế độ xã hội chủ nghĩa để bảo vệ nhân dân.

c. Nội dung văn hóa, tư tưởng

- Xây dựng và phát triển nền văn hóa Việt Nam tiên tiến, đậm đà bản sắc dân tộc với nội dung cốt lõi là xây dựng con người mới xã hội chủ nghĩa, giáo dục đạo đức cách

mạng, rèn luyện lối sống, tác phong công nghiệp, văn minh, hiện đại, xây dựng hệ giá trị văn hóa và con người Việt Nam.

- Bảo vệ sự trong sáng của chủ nghĩa Mác - Lênin và tư tưởng Hồ Chí Minh, chống lại quan điểm sai trái của các thế lực thù địch.

- Kiên định mục tiêu, lý tưởng và con đường cách mạng: độc lập dân tộc gắn liền với chủ nghĩa xã hội.

- Thường xuyên giáo dục công nhân và lao động trẻ ở nước ta về ý thức giai cấp, bản lĩnh chính trị, chủ nghĩa yêu nước và chủ nghĩa quốc tế. củng cố mối liên hệ mật thiết giữa giai cấp công nhân với dân tộc, đoàn kết giai cấp gắn liền với đoàn kết dân tộc và đoàn kết quốc tế.

3. Phương hướng và một số giải pháp chủ yếu để xây dựng giai cấp công nhân Việt Nam hiện nay

a. Phương hướng xây dựng giai cấp công nhân Việt Nam hiện nay

- Giữ vững bản chất giai cấp công nhân của Đảng.
- Xây dựng giai cấp công nhân hiện đại, lớn mạnh về số lượng, nâng cao bản lĩnh chính trị, trình độ học vấn, chuyên môn, kỹ năng nghề nghiệp, tác phong công nghiệp, kỷ luật lao động, thích ứng với cuộc Cách mạng công nghiệp lần thứ tư.
- Tăng cường tuyên truyền, giáo dục chính trị, tư tưởng cho giai cấp công nhân.
- Chăm lo đời sống vật chất và tinh thần, nhà ở và phúc lợi xã hội cho công nhân; bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp, chính đáng của công nhân.
- Đổi mới tổ chức và hoạt động của Công đoàn phù hợp với cơ cấu lao động, nhu cầu, nguyện vọng của công nhân.

c. Một số giải pháp xây dựng giai cấp công nhân Việt Nam hiện nay

- Nâng cao nhận thức, kiên định quan điểm giai cấp công nhân là giai cấp lãnh đạo cách mạng thông qua đội tiền phong là Đảng Cộng sản Việt Nam. Sự lớn mạnh của giai cấp công nhân là điều kiện tiên quyết đảm bảo thành công của công cuộc đổi mới, công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước.
- Xây dựng và phát huy sức mạnh của liên minh giai cấp công nhân - nông dân - trí thức - doanh nhân dưới sự lãnh đạo của Đảng. Tăng cường quan hệ đoàn kết, hợp tác quốc tế với giai cấp công nhân thế giới.

- Thực hiện chiến lược xây dựng giai cấp công nhân lớn mạnh, gắn kết chặt chẽ với chiến lược phát triển kinh tế - xã hội, công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước, hội nhập quốc tế.

+ Xử lý đúng mối quan hệ giữa tăng trưởng kinh tế với thực hiện tiến bộ và công bằng xã hội với chăm lo xây dựng giai cấp công nhân.

+ Đảm bảo hài hòa lợi ích giữa công nhân với người sử dụng lao động, nhà nước, và xã hội.

+ Không ngừng nâng cao đời sống vật chất và tinh thần cho công nhân, giải quyết kịp thời các vấn đề bức xúc, cấp bách trong giai cấp công nhân.

- Đào tạo, bồi dưỡng, nâng cao trình độ mọi mặt cho công nhân, không ngừng trí thức hóa giai cấp công nhân. Xây dựng thể hệ công nhân ngang tầm khu vực và quốc tế, có lập trường giai cấp và bản lĩnh chính trị vững vàng, trở thành bộ phận nòng cốt của giai cấp công nhân.

- Xây dựng giai cấp công nhân lớn mạnh là trách nhiệm của cả hệ thống chính trị, của toàn xã hội và sự nỗ lực vươn lên của bản thân mỗi người công nhân. Trong đó:

+ Sự lãnh đạo của Đảng và quản lý của Nhà nước có vai trò quyết định.

+ Công đoàn có vai trò quan trọng, trực tiếp.

+ Xây dựng giai cấp công nhân lớn mạnh gắn liền với xây dựng Đảng trong sạch, vững mạnh về chính trị, tư tưởng, tổ chức, đạo đức; xây dựng tổ chức Công đoàn, Đoàn thanh niên và các tổ chức chính trị - xã hội khác trong giai cấp công nhân.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Bộ Giáo dục và Đào tạo (2021), *Giáo trình Chủ nghĩa xã hội khoa học* (Dành cho bậc đại học hệ không chuyên lý luận chính trị), Nxb. Chính trị Quốc gia Sự thật, Hà Nội, 2021.
2. Hội đồng Trung ương chỉ đạo biên soạn giáo trình Quốc gia các bộ môn khoa học Mác - Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh (2018), *Giáo trình Chủ nghĩa xã hội khoa học*, Nxb. Chính trị Quốc gia Sự thật, Hà Nội.
3. Đảng Cộng sản Việt Nam (2008), *Văn kiện Hội nghị 6 Ban chấp hành Trung ương Khóa X*, Nxb. Chính trị Quốc gia, Hà Nội.

4. Bùi Thị Kim Hậu (chủ biên), (2014), *Giáo trình học thuyết sứ mệnh lịch sử của giai cấp công nhân*, Nxb. Chính trị Quốc gia, Hà Nội.
5. Phạm Văn Giang (2019), *Sự biến đổi của giai cấp công nhân Việt Nam dưới tác động của hội nhập quốc tế hiện nay*, Nxb. Lý luận chính trị, Hà Nội.

Chương 3

CHỦ NGHĨA XÃ HỘI VÀ THỜI KỲ QUÁ ĐỘ

LÊN CHỦ NGHĨA XÃ HỘI

I. CHỦ NGHĨA XÃ HỘI

Chủ nghĩa xã hội được tiếp cận từ 4 góc độ sau:

- Chủ nghĩa xã hội là phong trào thực tiễn, phong trào đấu tranh của nhân dân lao động chống lại áp bức, bất công chống lại giai cấp thống trị.
- Chủ nghĩa xã hội là trào lưu tư tưởng, lý luận phản ánh lý tưởng giải phóng nhân dân lao động khỏi áp bức, bóc lột bất công;
- Chủ nghĩa xã hội là một khoa học - Chủ nghĩa xã hội khoa học là khoa học về sứ mệnh lịch sử của giai cấp công nhân;
- Chủ nghĩa xã hội là chế độ xã hội tốt đẹp, giai đoạn đầu của hình thái kinh tế xã hội cộng sản chủ nghĩa.

Trong chương này, chủ nghĩa xã hội được hiểu theo nghĩa thứ tư.

1. Chủ nghĩa xã hội, giai đoạn đầu của hình thái kinh tế - xã hội cộng sản chủ nghĩa

a. Sự ra đời của hình thái kinh tế - xã hội cộng sản chủ nghĩa

- Sự ra đời của hình thái kinh tế - xã hội cộng sản chủ nghĩa là một tất yếu khách quan:
 - + Dưới chủ nghĩa tư bản, *quan hệ sản xuất chiếm hữu tư nhân tư bản chủ nghĩa đã kìm hãm sự phát triển của lực lượng sản xuất ngày càng hiện đại và mang tính xã hội hóa ngày càng cao*. Thực tế đó yêu cầu phải thiết lập một quan hệ sản xuất mới, mở đường cho lực lượng sản xuất phát triển.
 - + Biểu hiện về mặt xã hội của mâu thuẫn giữa lực lượng sản xuất và quan hệ sản xuất trong chủ nghĩa tư bản là *mâu thuẫn giữa giai cấp công nhân với giai cấp tư sản* dẫn đến phong trào đấu tranh của giai cấp công nhân chống lại giai cấp tư sản. Sự thắng lợi của của giai cấp công nhân trong cuộc đấu tranh giành chính quyền sẽ dẫn tới sự ra đời của hình thái kinh tế - xã hội cộng sản chủ nghĩa.

- Sự thay thế tất yếu hình thái kinh tế - xã hội tư bản chủ nghĩa bằng hình thái kinh tế - xã hội cộng sản chủ nghĩa được thực hiện thông qua *cuộc cách mạng xã hội* do giai cấp công nhân lãnh đạo.

b. Phân kỳ hình thái kinh tế - xã hội cộng sản chủ nghĩa

Theo quan điểm của chủ nghĩa Mác - Lênin, hình thái kinh tế - xã hội cộng sản chủ nghĩa phát triển từ thấp đến cao qua hai giai đoạn: giai đoạn thấp - chủ nghĩa xã hội và giai đoạn cao - chủ nghĩa cộng sản. Giữa chủ nghĩa tư bản và chủ nghĩa cộng sản sẽ phải trải qua một thời kỳ quá độ.

2. Điều kiện ra đời của chủ nghĩa xã hội

a. Điều kiện kinh tế

- Chủ nghĩa tư bản đã tạo ra bước phát triển vượt bậc của lực lượng sản xuất, dẫn đến mâu thuẫn giữa lực lượng sản xuất ngày càng mang tính xã hội hóa cao với quan hệ sản xuất dựa trên chế độ chiếm hữu tư nhân tư bản chủ nghĩa về tư liệu sản xuất.

- Quan hệ sản xuất tư bản chủ nghĩa từ chỗ đóng vai trò mở đường cho lực lượng sản xuất phát triển, thì ngày càng trở nên lỗi thời, kìm hãm sự phát triển của lực lượng sản xuất.

b. Điều kiện chính trị - xã hội

- Biểu hiện về mặt xã hội của mâu thuẫn giữa lực lượng sản xuất và quan hệ sản xuất trong chủ nghĩa tư bản là mâu thuẫn giữa giai cấp công nhân với giai cấp tư sản. Nhiều cuộc đấu tranh của giai cấp công nhân đã nổ ra ngày càng trở nên gay gắt và có tính chính trị rõ nét.

- Sự trưởng thành vượt bậc về số lượng và chất lượng (được đánh dấu bởi sự ra đời của Đảng Cộng sản) của giai cấp công nhân là tiền đề kinh tế - xã hội dẫn tới sự sụp đổ không tránh khỏi của chủ nghĩa tư bản và sự ra đời tất yếu của hình thái kinh tế - xã hội cộng sản chủ nghĩa.

- Hình thái kinh tế - xã hội cộng sản chủ nghĩa hình thành thông qua cách mạng vô sản dưới sự lãnh đạo của Đảng Cộng sản, thực hiện bước quá độ từ chủ nghĩa tư bản lên chủ nghĩa xã hội và chủ nghĩa cộng sản. Cách mạng vô sản được thực hiện bằng con đường bạo lực cách mạng, nhưng về lý thuyết cũng có thể được tiến hành bằng con đường hòa bình (tuy nhiên vô cùng hiếm).

3. Những đặc trưng cơ bản của chủ nghĩa xã hội

- Một là, chủ nghĩa xã hội giải phóng giai cấp, giải phóng dân tộc, giải phóng con người, tạo điều kiện để con người phát triển toàn diện.

+ Đây là sự khác biệt về chất giữa hình thái kinh tế - xã hội cộng sản chủ nghĩa so với các hình thái kinh tế - xã hội trước đó, thể hiện bản chất nhân văn, nhân đạo, vì sự nghiệp giải phóng giai cấp, giải phóng xã hội, giải phóng con người.

+ Mục tiêu cao nhất của chủ nghĩa xã hội là giải phóng con người, tạo điều kiện để con người phát triển toàn diện.

+ Để đạt được mục tiêu này cần xóa bỏ sự phân chia xã hội thành giai cấp, biến tất cả thành viên trong xã hội thành người lao động, tiêu diệt cơ sở của mọi tình trạng người bóc lột người, tiến tới xóa bỏ tình trạng áp bức, bóc lột dân tộc.

- Hai là, chủ nghĩa xã hội có nền kinh tế phát triển cao dựa trên lực lượng sản xuất hiện đại và chế độ công hữu về tư liệu sản xuất chủ yếu.

+ Đây là đặc trưng về phương diện kinh tế của chủ nghĩa xã hội.

+ Trình độ phát triển cao của lực lượng sản xuất là điều kiện quan trọng để thực hiện mục tiêu cao nhất của chủ nghĩa xã hội: giải phóng con người.

+ Từng bước xác lập chế độ sở hữu công cộng về tư liệu sản xuất chủ yếu (để nâng cao năng suất lao động) trên cơ sở xóa bỏ chế độ chiếm hữu tư nhân tư bản chủ nghĩa về tư liệu sản xuất. Tuy nhiên, Ph. Ăngghen cũng lưu ý không thể ngay lập tức thủ tiêu chế độ tư hữu trong giai đoạn đầu của chủ nghĩa cộng sản.

+ Tổ chức quản lý có hiệu quả và phân phối chủ yếu theo lao động.

+ Với những nước chưa trải qua chủ nghĩa tư bản đi lên chủ nghĩa xã hội cần phải học hỏi kinh nghiệm từ các nước phát triển.

- Ba là, chủ nghĩa xã hội là chế độ do nhân dân lao động làm chủ.

+ Đây là đặc trưng thể hiện thuộc tính bản chất của chủ nghĩa xã hội vì con người và do con người.

+ Chủ nghĩa xã hội là một chế độ chính trị dân chủ.

+ Nhà nước xã hội chủ nghĩa với hệ thống pháp luật và hệ thống tổ chức ngày càng hoàn thiện sẽ quản lý xã hội ngày càng hiệu quả.

- Bốn là, chủ nghĩa xã hội có nhà nước kiểu mới mang bản chất giai cấp công nhân, đại biểu cho lợi ích, quyền lực và ý chí của nhân dân lao động.

+ Nhà nước kiểu mới thực hiện dân chủ cho tuyệt đại đa số nhân dân và trấn áp bằng vũ lực với các thế lực bóc lột, áp bức nhân dân, đi ngược lại con đường xã hội chủ nghĩa.

+ Nhà nước là một công cụ, phương tiện, đồng thời là sự biểu hiện tập trung trình độ dân chủ của nhân dân.

+ Nhà nước phải tập hợp, lôi cuốn đông đảo nhân dân tham gia quản lý nhà nước, quản lý xã hội, tổ chức đời sống xã hội vì con người và cho con người.

- Năm là, chủ nghĩa xã hội có nền văn hóa phát triển cao, kế thừa và phát huy những giá trị của văn hóa dân tộc và tinh hoa văn hóa nhân loại.

+ Trong chủ nghĩa xã hội, văn hóa là nền tảng tinh thần, là mục tiêu, động lực của phát triển xã hội, là trọng tâm phát triển kinh tế; chỉ có xây dựng nền văn mới mới giải quyết được mọi vấn đề từ kinh tế, chính trị đến xã hội, con người.

+ Nền văn hóa xã hội chủ nghĩa kế thừa những giá trị văn hóa dân tộc, tinh hoa văn hóa nhân loại, đồng thời chống tư tưởng, văn hóa phi vô sản, trái với truyền thống tốt đẹp của dân tộc và loài người, trái với phương hướng đi lên chủ nghĩa xã hội.

- Sáu là, chủ nghĩa xã hội bảo đảm bình đẳng, đoàn kết giữa các dân tộc và có quan hệ hữu nghị, hợp tác với nhân dân các nước trên thế giới.

+ Vấn đề giai cấp và vấn đề dân tộc có quan hệ biện chứng, bởi vậy, giải quyết vấn đề dân tộc, giai cấp trong chủ nghĩa xã hội có vị trí đặc biệt quan trọng và phải tuân thủ nguyên tắc: “xóa bỏ tình trạng người bóc lột người thì tình trạng dân tộc này bóc lột dân tộc khác cũng sẽ bị xóa bỏ”⁴.

+ Trong chủ nghĩa xã hội cần giải quyết vấn đề dân tộc theo *Cương lĩnh dân tộc* của V.I. Lênin. Theo đó, cộng đồng dân tộc, giai cấp bình đẳng, đoàn kết và hợp tác trên cơ sở chính trị - pháp lý, đặc biệt là cơ sở kinh tế - xã hội, văn hóa sẽ từng bước được xây dựng, củng cố và phát triển.

⁴ C. Mác và Ph. Ăngghen (2002), *Toàn tập*, Nxb. Chính trị Quốc gia, Hà Nội, tập 4, tr.624.

+ Đoàn kết hợp tác hữu nghị với nhân dân thế giới trên cơ sở thực hiện sự liên minh và thống nhất giữa giai cấp công nhân với nhân dân lao động ở tất cả các nước, các dân tộc trên thế giới.

II. THỜI KỲ QUÁ ĐỘ LÊN CHỦ NGHĨA XÃ HỘI

1. Tính tất yếu khách quan của thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội

a. Quan niệm về thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội

Thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội là thời kỳ cải biến cách mạng sâu sắc, triệt để xã hội tư bản chủ nghĩa và tiền tư bản trên tất cả các lĩnh vực: kinh tế, chính trị, văn hóa, xã hội, xây dựng từng bước cơ sở vật chất - kỹ thuật và đời sống tinh thần của chủ nghĩa xã hội.

Đó là thời kỳ lâu dài, gian khổ bắt đầu từ khi giai cấp công nhân và nhân dân lao động giành được chính quyền và sử dụng chính quyền đó để xây dựng xong những tiền đề cơ bản cho chủ nghĩa xã hội.

b. Tính tất yếu khách quan của thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội

- Giữa chủ nghĩa tư bản (và các chế độ xã hội bóc lột khác) và chủ nghĩa xã hội là hai kiểu chế độ xã hội khác nhau về chất. Các quan hệ của chủ nghĩa xã hội không tự phát nảy sinh trong lòng chủ nghĩa tư bản mà chúng là kết quả của quá trình xây dựng và cải tạo xã hội chủ nghĩa. Do vậy, cần phải có thời gian nhất định để xây dựng và phát triển những quan hệ đó.

- Quá trình phát triển của chủ nghĩa tư bản đã tạo ra cơ sở vật chất - kỹ thuật nhất định cho chủ nghĩa xã hội, nhưng muốn những cơ sở vật chất đó phục vụ cho chủ nghĩa xã hội cần có thời gian để tổ chức và sắp xếp lại.

- Công cuộc xây dựng chủ nghĩa xã hội là một công việc mới mẻ, khó khăn và phức tạp, cần phải có thời gian để giai cấp công nhân làm quen với những công việc mới.

c. Các loại hình quá độ lên chủ nghĩa xã hội

- Quá độ trực tiếp: Từ những nước tư bản phát triển tiến lên chủ nghĩa cộng sản (cho đến nay, loại hình quá độ này chưa diễn ra).

- Quá độ gián tiếp: Từ những nước tiền tư bản bỏ qua giai đoạn phát triển tư bản chủ nghĩa tiến thẳng lên chủ nghĩa cộng sản.

- Quá độ gián tiếp sẽ khó khăn, phức tạp hơn so với quá độ trực tiếp.

2. Đặc điểm của thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội

- *Thực chất của thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội:*

+ Là thời kỳ cải biến cách mạng từ xã hội tiền tư bản chủ nghĩa và tư bản chủ nghĩa sang xã hội xã hội chủ nghĩa.

+ Trong thời kỳ này, xã hội có sự tồn tại đan xen của nhiều tàn dư về mọi phương diện của xã hội cũ với những yếu tố mới mang tính xã hội chủ nghĩa còn đang phát sinh.

- *Đặc điểm của thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội:*

+ Trên lĩnh vực kinh tế: tồn tại nền kinh tế nhiều thành phần, trong đó có thành phần đối lập.

+ Trên lĩnh vực chính trị:

Giai cấp công nhân sử dụng quyền lực nhà nước thực hiện dân chủ với nhân dân, tổ chức xây dựng và bảo vệ chế độ xã hội mới; chuyên chính với những phần tử thù địch, chống lại nhân dân.

Tiếp tục cuộc đấu tranh giai cấp trong điều kiện giai cấp công nhân đã thắng nhưng chưa phải đã toàn thắng với giai cấp tư sản thất bại nhưng chưa phải thất bại hoàn toàn. Cuộc đấu tranh diễn ra trong điều kiện mới, với nội dung mới và hình thức mới.

+ Trên lĩnh vực tư tưởng văn hóa:

Xã hội còn tồn tại nhiều tư tưởng khác nhau, chủ yếu là tư tưởng vô sản và tư tưởng tư sản.

Từng bước xây dựng nền văn hóa mới xã hội chủ nghĩa, tiếp thu giá trị văn hóa dân tộc và tinh hoa văn hóa nhân loại, đảm bảo đáp ứng nhu cầu văn hóa - tinh thần ngày càng tăng của nhân dân.

+ Trên lĩnh vực xã hội:

Xã hội còn tồn tại nhiều giai cấp, tầng lớp và sự khác biệt giữa các giai cấp tầng lớp. Các giai cấp tầng lớp vừa hợp tác, vừa đấu tranh với nhau.

Xã hội còn tồn tại sự khác biệt giữa nông thôn và thành thị, giữa lao động trí óc và lao động chân tay.

Là thời kỳ đấu tranh giai cấp chống áp bức, bất công, xóa bỏ tệ nạn xã hội và những tàn dư của xã hội cũ để lại, thiết lập công bằng xã hội trên cơ sở thực hiện nguyên tắc phân phối theo lao động là chủ đạo.

III. QUÁ ĐỘ LÊN CHỦ NGHĨA XÃ HỘI Ở VIỆT NAM

Quá độ lên chủ nghĩa xã hội ở Việt Nam bắt đầu từ năm 1954 ở miền Bắc và năm 1975 trên phạm vi cả nước.

1. Đặc điểm quá độ lên chủ nghĩa xã hội ở Việt Nam là bỏ qua chế độ tư bản chủ nghĩa

a. Bối cảnh trong nước và thế giới

- Việt Nam quá độ lên chủ nghĩa xã hội từ một nước thuộc địa nửa phong kiến, lực lượng sản xuất thấp, chiến tranh kéo dài, lại bị các thế lực thù địch thường xuyên tìm cách phá hoại.

- Việt Nam quá độ lên chủ nghĩa xã hội trong bối cảnh cuộc cách mạng khoa học và công nghệ diễn ra mạnh mẽ với quá trình quốc tế hóa ngày càng sâu sắc tạo nhiều cơ hội và thách thức đối với nước ta trong quá trình phát triển.

- Thời đại ngày nay vẫn là thời đại quá độ từ chủ nghĩa tư bản lên chủ nghĩa xã hội. Các nước với các chế độ chính trị khác nhau cùng tồn tại, vừa hợp tác, vừa đấu tranh, cạnh tranh gay gắt vì lợi ích quốc gia dân tộc.

b. Tính tất yếu của việc lựa chọn con đường quá độ lên chủ nghĩa xã hội bỏ qua chế độ tư bản chủ nghĩa ở Việt Nam

- Quá độ lên chủ nghĩa xã hội ở Việt Nam phù hợp với quy luật phát triển của lịch sử xã hội loài người (phù hợp với học thuyết hình thái kinh tế - xã hội của chủ nghĩa Mác).

- Phù hợp với mục tiêu, cương lĩnh của cách mạng Việt Nam năm 1930.

- Phù hợp với nhu cầu, nguyện vọng của nhân dân Việt Nam.

- Phù hợp với xu thế phát triển của thời đại ngày nay.

c. Quan điểm của Đảng Cộng sản Việt Nam về quá độ lên chủ nghĩa xã hội bỏ qua chế độ tư bản chủ nghĩa ở Việt Nam (trong Đại hội Đảng lần IX)

- Quá độ lên chủ nghĩa xã hội bỏ qua chế độ tư bản chủ nghĩa là con đường cách mạng tất yếu, khách quan, con đường xây dựng đất nước trong thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội.

- Bỏ qua chế độ tư bản chủ nghĩa là bỏ qua việc xác lập vị trí thống trị của quan hệ sản xuất và kiến trúc thượng tầng tư bản chủ nghĩa.

- Kế thừa những thành tựu mà nhân loại đã đạt được dưới chủ nghĩa tư bản đặc biệt là thành tựu về khoa học, công nghệ, về quản lý để phát triển xã hội, phát triển nhanh lực lượng sản xuất, xây dựng nền kinh tế hiện đại.

- Thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội tạo ra sự biến đổi về chất trên tất cả các lĩnh vực. Đây là thời kỳ khó khăn, phức tạp, lâu dài với nhiều chặng đường, nhiều hình thức tổ chức kinh tế, xã hội có tính chất quá độ; đòi hỏi phải có quyết tâm chính trị và khát vọng lớn của toàn Đảng, toàn dân.

2. Những đặc trưng của chủ nghĩa xã hội và phương hướng xây dựng chủ nghĩa xã hội ở Việt Nam hiện nay

a. Những đặc trưng bản chất của chủ nghĩa xã hội Việt Nam

- Dân giàu, nước mạnh, dân chủ, công bằng, văn minh.
- Do nhân dân làm chủ.
- Có nền kinh tế phát triển cao dựa trên lực lượng sản xuất hiện đại và quan hệ sản xuất tiên bộ, phù hợp.
- Có nền văn hóa tiên tiến, đậm đà bản sắc dân tộc.
- Con người có cuộc sống ấm no, tự do, hạnh phúc, có điều kiện phát triển toàn diện.
- Các dân tộc trong cộng đồng Việt Nam bình đẳng, đoàn kết, tôn trọng và giúp nhau cùng phát triển.
- Có nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa của nhân dân, do nhân dân, vì nhân dân do Đảng Cộng sản lãnh đạo.
- Có quan hệ hữu nghị và hợp tác với các nước trên thế giới.

b. Phương hướng xây dựng chủ nghĩa xã hội ở Việt Nam hiện nay

Sau hơn 35 năm đổi mới, đất nước ta đã đạt được những thành tựu to lớn, có ý nghĩa lịch sử trên con đường xây dựng chủ nghĩa xã hội và bảo vệ Tổ quốc xã hội chủ nghĩa, Đại hội XIII (năm 2021) của Đảng đã xác định mục tiêu đến giữa thế kỷ XXI, nước ta trở thành nước phát triển theo định hướng xã hội chủ nghĩa với các mục tiêu cụ thể:

- Đến năm 2025: là nước đang phát triển, có công nghiệp theo hướng hiện đại, vượt qua mức thu nhập trung bình thấp.
- Đến năm 2030: là nước đang phát triển, có công nghiệp hiện đại, thu nhập trung bình cao.

- Đến năm 2045: trở thành nước phát triển, thu nhập cao.

Để thực hiện thắng lợi mục tiêu này, cần thực hiện tốt 12 định hướng phát triển đất nước giai đoạn 2021 - 2030 như sau:

(1) Tiếp tục đổi mới mạnh mẽ tư duy, xây dựng, hoàn thiện đồng bộ thể chế phát triển bền vững về kinh tế, chính trị, văn hóa, xã hội, môi trường... tháo gỡ kịp thời những khó khăn, vướng mắc, khơi dậy mọi tiềm năng và nguồn lực, tạo động lực mới cho sự phát triển nhanh và bền vững đất nước.

(2) Hoàn thiện toàn diện, đồng bộ thể chế phát triển kinh tế thị trường, định hướng xã hội chủ nghĩa, tạo môi trường thuận lợi để huy động, phân bổ và sử dụng có hiệu quả các nguồn lực, thúc đẩy đầu tư, sản xuất kinh doanh.

(3) Tạo đột phá trong đổi mới căn bản, toàn diện giáo dục và đào tạo, phát triển nguồn nhân lực chất lượng cao, thu hút và trọng dụng nhân tài.

(4) Phát triển con người toàn diện và xây dựng nền văn hóa Việt Nam tiên tiến, đậm đà bản sắc dân tộc để văn hóa, con người Việt Nam trở thành sức mạnh nội sinh, động lực phát triển đất nước và bảo vệ Tổ quốc.

(5) Quản lý phát triển xã hội có hiệu quả, nghiêm minh, bảo đảm an ninh xã hội, an ninh con người; thực hiện tiến bộ và công bằng xã hội...

(6) Chủ động thích ứng có hiệu quả với biến đổi khí hậu, phòng, chống và giảm nhẹ thiên tai, dịch bệnh...

(7) Kiên quyết, kiên trì đấu tranh bảo vệ vững chắc độc lập, chủ quyền, thống nhất, toàn vẹn lãnh thổ của Tổ quốc; bảo vệ Đảng, Nhà nước, nhân dân và chế độ xã hội chủ nghĩa.

(8) Tiếp tục thực hiện đường lối đối ngoại độc lập, tự chủ, đa phương hóa, đa dạng hóa; chủ động tích cực hội nhập quốc tế.

(9) Thực hành và phát huy rộng rãi dân chủ xã hội chủ nghĩa, quyền làm chủ và vai trò chủ thể của nhân dân, phát huy truyền thống đại đoàn kết dân tộc.

(10) Xây dựng và hoàn thiện Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa trong sạch, vững mạnh, tinh gọn, hoạt động hiệu lực, hiệu quả, vì nhân dân phục vụ và vì sự phát triển của đất nước.

(11) Tiếp tục xây dựng, chỉnh đốn Đảng toàn diện, tăng cường bản chất giai cấp công nhân của Đảng, đổi mới phương thức lãnh đạo, cầm quyền của Đảng; xây dựng hệ thống chính trị trong sạch, vững mạnh.

(12) Tiếp tục nắm vững và xử lý tốt các mối quan hệ lớn.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Bộ Giáo dục và Đào tạo (2021), *Giáo trình Chủ nghĩa xã hội khoa học* (Dành cho bậc đại học hệ không chuyên lý luận chính trị), Nxb. Chính trị Quốc gia Sự thật, Hà Nội, 2021.
2. Hội đồng Trung ương chỉ đạo biên soạn giáo trình Quốc gia các bộ môn khoa học Mác - Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh (2018), *Giáo trình Chủ nghĩa xã hội khoa học*, Nxb. Chính trị Quốc gia Sự thật, Hà Nội.
3. Nguyễn Phú Trọng (2022), *Một số vấn đề lý luận và thực tiễn về chủ nghĩa xã hội và con đường đi lên chủ nghĩa xã hội ở Việt Nam*, Nxb. Chính trị Quốc gia Sự thật, Hà Nội.
4. C. Mác và Ph. Ăngghen (2002), *Toàn tập*, Nxb. Chính trị Quốc gia, Hà Nội, 2002, tập 4, tr. 624.
5. C. Mác và Ph. Ăngghen (1995), “Phê phán cương lĩnh Gôta”, *C. Mác - Ph. Ăngghen toàn tập*, tập 19, tr. 21 - 53, Nxb. Chính trị Quốc gia, Hà Nội.
6. Bùi Thị Lan, Nguyễn Kim Tôn, Nguyễn Anh Tuấn (đồng chủ biên) (2020), *Quan điểm của C. Mác, Ph. Ăngghen, V.I. Lênin, Hồ Chí Minh và Đảng Cộng sản Việt Nam về thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội*, Nxb. Lý luận chính trị.
7. Đảng Cộng sản Việt Nam (2011), *Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XI*, Nxb. Chính trị Quốc gia, Hà Nội.

Chương 4

DÂN CHỦ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VÀ NHÀ NƯỚC XÃ HỘI CHỦ NGHĨA

I. DÂN CHỦ VÀ DÂN CHỦ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA

1. Dân chủ và sự ra đời, phát triển của dân chủ

a. Quan niệm về dân chủ

- Thuật ngữ “dân chủ” ra đời vào khoảng thế kỷ VII - VI TCN. Các nhà tư tưởng Hy Lạp cổ đại đã dùng cụm từ “demoskratos” để nói đến dân chủ, trong đó “demos” là nhân dân; “kratos” là cai trị. Theo đó, dân chủ được hiểu là quyền lực của nhân dân, thuộc về nhân dân.

- *Quan điểm của chủ nghĩa Mác - Lênin về dân chủ:*

+ Về phương diện quyền lực: dân chủ là quyền lực thuộc về nhân dân, nhân dân là chủ nhân của nhà nước.

+ Về phương diện chế độ xã hội và trong lĩnh vực chính trị: dân chủ là một hình thức hay hình thái nhà nước, là chính thể dân chủ hay chế độ dân chủ. Về phương diện này, dân chủ là một phạm trù mang tính lịch sử.

+ Về phương diện tổ chức và quản lý xã hội: dân chủ là một nguyên tắc kết hợp với nguyên tắc tập trung hình thành nguyên tắc tập trung dân chủ.

- *Quan điểm của Hồ Chí Minh:*

+ Dân chủ là dân là chủ và dân làm chủ.

+ Dân chủ là một thể chế chính trị, một chế độ xã hội.

- *Khái niệm:* Dân chủ là một giá trị xã hội phản ánh những quyền cơ bản của con người; là một hình thức tổ chức nhà nước của giai cấp cầm quyền, có quá trình ra đời, phát triển cùng với lịch sử xã hội nhân loại.

b. Sự ra đời, phát triển của nền dân chủ

- Chế độ cộng sản nguyên thủy: xuất hiện hình thức manh nha của dân chủ với tư cách là thể chế chính trị.

- Chế độ chiếm hữu nô lệ: nền dân chủ chủ nô.

- Chế độ phong kiến: chế độ độc tài chuyên chế phong kiến, không tồn tại nền dân chủ.

- Chế độ tư bản chủ nghĩa: nền dân chủ tư sản.

- Chế độ xã hội chủ nghĩa: nền dân chủ xã hội chủ nghĩa.

2. Dân chủ xã hội chủ nghĩa

a. Khái niệm và quá trình ra đời của nền dân chủ xã hội chủ nghĩa

- *Khái niệm:* Dân chủ xã hội chủ nghĩa là nền dân chủ cao hơn về chất so với nền dân chủ có trong lịch sử nhân loại, là nền dân chủ mà ở đó, mọi quyền lực thuộc về nhân dân, dân là chủ và dân làm chủ; dân chủ và pháp luật nằm trong sự thống nhất biện chứng; được thực hiện bằng nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa, đặt dưới sự lãnh đạo của Đảng Cộng sản.

- Quá trình ra đời:

+ Dân chủ xã hội chủ nghĩa đã được phôi thai từ thực tiễn đấu tranh giai cấp ở Pháp và Công xã Paris năm 1871. Tuy nhiên, chỉ đến khi Cách mạng tháng Mười Nga thành công (năm 1917) với sự ra đời của Nhà nước xã hội chủ nghĩa đầu tiên trên thế giới, nền dân chủ xã hội chủ nghĩa mới chính thức được xác lập.

+ Nền dân chủ xã hội chủ nghĩa có quá trình phát triển từ thấp đến cao, từ chưa hoàn thiện đến hoàn thiện. Trong đó, có sự kế thừa những giá trị của nền dân chủ trước đó, đồng thời bổ sung và làm sâu sắc thêm những giá trị của nền dân chủ mới.

+ Khi xã hội đã đạt trình độ phát triển rất cao, không còn sự phân chia giai cấp, xã hội cộng sản chủ nghĩa đạt tới mức độ hoàn thiện, khi đó dân chủ xã hội chủ nghĩa với tư cách là một chế độ nhà nước cũng tiêu vong.

b. Bản chất của nền dân chủ xã hội chủ nghĩa

- *Bản chất chính trị:* là sự lãnh đạo chính trị của giai cấp công nhân thông qua Đảng Cộng sản đối với toàn xã hội để thực hiện quyền lực và lợi ích của toàn thể nhân dân.

+ Nền dân chủ xã hội chủ nghĩa mang bản chất của giai cấp công nhân.

+ Nền dân chủ xã hội chủ nghĩa do Đảng Cộng sản lãnh đạo.

+ Nền dân chủ xã hội chủ nghĩa thể hiện tính nhân dân rộng rãi, tính dân tộc sâu sắc.

- Bản chất kinh tế:

+ Nền dân chủ xã hội chủ nghĩa dựa trên chế độ công hữu về tư liệu sản xuất chủ yếu.

+ Thực hiện chế độ phân phối theo kết quả lao động là chủ yếu.

- Bản chất tư tưởng - văn hóa - xã hội:

+ Dân chủ xã hội chủ nghĩa có hệ tư tưởng chủ đạo là chủ nghĩa Mác - Lênin, đồng thời kế thừa, phát huy những giá trị văn hóa truyền thống của dân tộc và tinh hoa văn hóa của nhân loại.

+ Trong nền dân chủ xã hội chủ nghĩa, có sự kết hợp hài hòa giữa lợi ích cá nhân với lợi ích tập thể và lợi ích của toàn xã hội.

II. NHÀ NƯỚC XÃ HỘI CHỦ NGHĨA

1. Sự ra đời, khái niệm, bản chất, chức năng của nhà nước xã hội chủ nghĩa

a. Sự ra đời và khái niệm nhà nước xã hội chủ nghĩa

- *Sự ra đời*: Nhà nước xã hội chủ nghĩa ra đời là kết quả của cuộc đấu tranh cách mạng do giai cấp công nhân và nhân dân lao động tiến hành dưới sự lãnh đạo của Đảng Cộng sản.

- *Khái niệm*: Nhà nước xã hội chủ nghĩa là một kiểu nhà nước mà ở đó, sự thống trị chính trị thuộc về giai cấp công nhân, do cách mạng xã hội chủ nghĩa sản sinh ra và có sứ mệnh xây dựng thành công chủ nghĩa xã hội, đưa nhân dân lao động lên địa vị làm chủ trên tất cả các mặt của đời sống xã hội trong một xã hội phát triển cao - xã hội xã hội chủ nghĩa.

b. Bản chất của nhà nước xã hội chủ nghĩa

- *Về chính trị*: Nhà nước xã hội chủ nghĩa mang bản chất của giai cấp công nhân, đại biểu cho ý chí chung của nhân dân lao động.

- *Về kinh tế*: Nhà nước xã hội chủ nghĩa chịu sự quy định của cơ sở kinh tế của xã hội xã hội chủ nghĩa, đó là chế độ sở hữu xã hội về tư liệu sản xuất chủ yếu.

- Về văn hóa, xã hội:

+ Nền tảng tinh thần của nhà nước xã hội chủ nghĩa là hệ tư tưởng Mác - Lênin và giá trị văn hóa tiên tiến của nhân loại cùng bản sắc riêng của dân tộc.

+ Sự phân hóa giữa các giai cấp, tầng lớp từng bước được thu hẹp, các giai tầng bình đẳng trong việc tiếp cận các nguồn lực và cơ hội phát triển.

c. Chức năng của nhà nước xã hội chủ nghĩa

Xuất phát từ bản chất, nhà nước xã hội chủ nghĩa thực hiện hai chức năng cơ bản:

- Chức năng tổ chức và xây dựng, bao gồm cải tạo xã hội cũ, xây dựng xã hội mới là nội dung chủ yếu và là mục đích cuối cùng của nhà nước xã hội chủ nghĩa. Chức năng này bao gồm: đối nội, đối ngoại, chức năng phát triển kinh tế, văn hóa, xã hội.

- Chức năng trấn áp: trấn áp giai cấp bóc lột đã bị lật đổ và những phần tử chống đối để bảo vệ thành quả cách mạng, giữ vững an ninh chính trị, tạo điều kiện thuận lợi cho sự phát triển kinh tế - xã hội.

2. Mối quan hệ giữa dân chủ xã hội chủ nghĩa và nhà nước xã hội chủ nghĩa

a. Dân chủ xã hội chủ nghĩa là cơ sở, nền tảng cho việc xây dựng và hoạt động của nhà nước xã hội chủ nghĩa

- Trong nền dân chủ xã hội chủ nghĩa, người dân mới có đầy đủ các điều kiện cho việc thực hiện ý chí của mình thông qua việc lựa chọn một cách công bằng, bình đẳng những người đại diện cho quyền lợi chính đáng của họ vào bộ máy nhà nước, tham gia một cách trực tiếp hoặc gián tiếp vào hoạt động quản lý của nhà nước; khai thác và phát huy một cách tốt nhất sức mạnh trí tuệ của nhân dân cho hoạt động của nhà nước.

- Với những tính ưu việt của mình, nền dân chủ xã hội chủ nghĩa sẽ kiểm soát một cách có hiệu quả quyền lực của nhà nước, ngăn chặn được sự tha hóa của quyền lực nhà nước.

b. Nhà nước xã hội chủ nghĩa trở thành công cụ quan trọng cho việc thực thi quyền làm chủ của người dân

- Nhà nước xã hội chủ nghĩa là phương thức thể hiện và thực hiện dân chủ.

- Nhà nước xã hội chủ nghĩa là “trụ cột” của hệ thống chính trị xã hội chủ nghĩa:

+ Nhà nước là thiết chế có chức năng trực tiếp nhất trong việc thể chế hóa và tổ chức thực hiện những yêu cầu dân chủ chân chính của nhân dân.

+ Nhà nước là công cụ sắc bén nhất trong cuộc đấu tranh với mọi mưu đồ đi ngược lại lợi ích của nhân dân.

+ Nhà nước là công cụ hữu hiệu đảm bảo vai trò lãnh đạo của Đảng Cộng sản.

III. DÂN CHỦ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VÀ NHÀ NƯỚC PHÁP QUYỀN XÃ HỘI CHỦ NGHĨA Ở VIỆT NAM

1. Dân chủ xã hội chủ nghĩa ở Việt Nam

a. Sự ra đời, phát triển của nền dân chủ xã hội chủ nghĩa ở Việt Nam

- Chế độ dân chủ nhân dân ở nước ta được xác lập sau Cách mạng Tháng Tám năm 1945. Đến năm 1976, nước ta đổi tên thành Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam, tuy nhiên, trong các văn kiện Đảng, hầu như chưa sử dụng cụm từ “dân chủ xã hội chủ nghĩa”. Bản chất của dân chủ xã hội chủ nghĩa chưa được xác định rõ ràng, việc xây dựng nền dân chủ xã hội chủ nghĩa chưa được đặt ra một cách cụ thể, thiết thực.

- Đại hội VI (1986) của Đảng đề ra đường lối đổi mới toàn diện đất nước, trong đó nhấn mạnh phát huy dân chủ để tạo ra một động lực mạnh mẽ cho phát triển đất nước.

- Hơn 30 năm đổi mới, nhận thức về dân chủ xã hội chủ nghĩa, vị trí, vai trò của dân chủ ở nước ta có nhiều điểm mới:

+ Đảng ta khẳng định một trong những đặc trưng của chủ nghĩa xã hội Việt Nam là do nhân dân làm chủ.

+ Dân chủ đã được đưa vào mục tiêu tổng quát: Dân giàu, nước mạnh, dân chủ, công bằng, văn minh.

+ Dân chủ xã hội chủ nghĩa là bản chất của chế độ ta, vừa là mục tiêu, vừa là động lực của sự phát triển đất nước.

+ Xây dựng và từng bước hoàn thiện nền dân chủ xã hội chủ nghĩa, bảo đảm dân chủ được thực hiện trong thực tế cuộc sống.

+ Dân chủ gắn liền với kỷ luật, kỷ cương và phải được thể chế bằng pháp luật, được pháp luật đảm bảo.

b. Bản chất của nền dân chủ xã hội chủ nghĩa ở Việt Nam

- Mọi thành viên trong xã hội với tư cách là công dân đều là người làm chủ.

- Đảng Cộng sản Việt Nam luôn xác định xây dựng nền dân chủ xã hội chủ nghĩa vừa là *mục tiêu*, vừa là *động lực* phát triển xã hội, là *bản chất* của chế độ xã hội chủ nghĩa:

+ Dân chủ là mục tiêu của chế độ xã hội chủ nghĩa (dân giàu, nước mạnh, dân chủ, công bằng, văn minh).

+ Dân chủ là bản chất của chế độ xã hội chủ nghĩa (do nhân dân làm chủ, quyền lực thuộc về nhân dân).

+ Dân chủ là động lực để xây dựng xã hội chủ nghĩa (phát huy sức mạnh của nhân dân, của toàn dân tộc).

+ Dân chủ gắn với pháp luật (dân chủ phải đi đôi với kỷ luật, kỷ cương).
+ Dân chủ phải được thực hiện trong đời sống thực tiễn ở tất cả các cấp, mọi lĩnh vực của đời sống xã hội.

- Bản chất dân chủ xã hội chủ nghĩa ở Việt Nam được thực hiện thông qua các hình thức dân chủ trực tiếp và dân chủ gián tiếp.

+ *Hình thức dân chủ gián tiếp* là hình thức dân chủ đại diện, được thực hiện do nhân dân “ủy quyền”, giao quyền lực của mình cho tổ chức, cá nhân mà nhân dân trực tiếp bầu ra.

+ *Hình thức dân chủ trực tiếp* là hình thức thông qua đó, nhân dân bằng hành động trực tiếp của mình thực hiện quyền làm chủ nhà nước và xã hội.

2. Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa ở Việt Nam

a. Quan niệm chung về nhà nước pháp quyền

Nhà nước pháp quyền được hiểu là nhà nước mà ở đó, tất cả mọi công dân đều được giáo dục pháp luật và phải hiểu biết pháp luật, tuân thủ pháp luật, pháp luật đảm bảo tính nghiêm minh; trong hoạt động của các cơ quan nhà nước, phải có sự kiểm soát lẫn nhau, tất cả vì mục tiêu phục vụ nhân dân.

b. Đặc điểm của Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa Việt Nam

- *Thứ nhất*, xây dựng nhà nước do nhân dân lao động làm chủ, đó là Nhà nước của dân, do dân, vì dân.

- *Thứ hai*, Nhà nước được tổ chức và hoạt động dựa trên cơ sở của Hiến pháp và pháp luật. Trong tất cả các hoạt động của xã hội, pháp luật được đặt ở vị trí tối thượng để điều chỉnh các quan hệ xã hội.

- *Thứ ba*, quyền lực nhà nước là thống nhất, có sự phân công rõ ràng, có cơ chế phối hợp nhịp nhàng giữa các cơ quan: lập pháp, hành pháp và tư pháp.

- *Thứ tư*, Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa ở Việt Nam phải do Đảng Cộng sản Việt Nam lãnh đạo. Hoạt động của nhà nước được giám sát bởi nhân dân với phương châm: “Dân biết, dân bàn, dân làm, dân kiểm tra” thông qua các tổ chức, các cá nhân được nhân dân ủy nhiệm.

- *Thứ năm*, Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa ở Việt Nam tôn trọng quyền con người, coi con người là trung tâm của sự phát triển.

- *Thứ sáu*, tổ chức và hoạt động của bộ máy nhà nước theo nguyên tắc tập trung dân chủ, có sự phân công, phân cấp, phối hợp và kiểm soát lẫn nhau, nhưng bảo đảm quyền lực là thống nhất và sự chỉ đạo thống nhất của Trung ương.

3. Phát huy dân chủ xã hội chủ nghĩa, xây dựng Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa ở Việt Nam hiện nay

a. Phát huy dân chủ xã hội chủ nghĩa ở Việt Nam hiện nay

- Xây dựng, hoàn thiện thể chế kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa tạo ra cơ sở kinh tế vững chắc cho xây dựng dân chủ xã hội chủ nghĩa.

- Xây dựng Đảng Cộng sản Việt Nam trong sạch, vững mạnh với tư cách điều kiện tiên quyết để xây dựng nền dân chủ xã hội chủ nghĩa Việt Nam.

- Xây dựng Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa vững mạnh với tư cách là điều kiện để thực thi dân chủ xã hội chủ nghĩa.

- Nâng cao vai trò của các tổ chức chính trị - xã hội trong xây dựng nền dân chủ xã hội chủ nghĩa.

- Xây dựng và từng bước hoàn thiện các hệ thống giám sát, phản biện xã hội để phát huy quyền làm chủ của nhân dân.

b. Tiếp tục xây dựng và hoàn thiện Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa

- Xây dựng Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa dưới sự lãnh đạo của Đảng.

- Cải cách thể chế và phương thức hoạt động của Nhà nước.

- Xây dựng đội ngũ cán bộ, công chức trong sạch, có năng lực.

- Đấu tranh phòng, chống tham nhũng, lãng phí, thực hành tiết kiệm.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Bộ Giáo dục và Đào tạo (2021), *Giáo trình Chủ nghĩa xã hội khoa học* (Dành cho bậc đại học hệ không chuyên lý luận chính trị), Nxb. Chính trị Quốc gia Sự thật, Hà Nội.
2. Hội đồng Trung ương chỉ đạo biên soạn giáo trình Quốc gia các bộ môn khoa học Mác - Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh (2018), *Giáo trình Chủ nghĩa xã hội khoa học*, Nxb. Chính trị Quốc gia Sự thật, Hà Nội.
3. Hồ Chí Minh (2011), *Toàn tập*, Nxb. Chính trị quốc gia, Hà Nội, tập 9, tr. 258.

4. V.I. Lênin (2005), “Cách mạng vô sản và tên phản bội Cau - sky”, *V.I. Lênin toàn tập*, tập 37, tr. 285 - 416, Nxb. Chính trị Quốc gia, Hà Nội.
5. V.I. Lênin (2005), “Về “dân chủ” và chuyên chính”, *V.I. Lênin toàn tập*, tập 37, tr. 478 - 484, Nxb. Chính trị Quốc gia, Hà Nội.
6. V.I. Lênin (2005), “Nhà nước và cách mạng”, *V.I. Lênin toàn tập*, tập 33, tr. 1-147, Nxb. Chính trị Quốc gia, Hà Nội.
7. Phan Văn Đức (chủ biên), (2017), *Thực hành dân chủ trong điều kiện một đảng duy nhất cầm quyền*, Nxb. Chính trị Quốc gia Sự thật, Hà Nội.

Chương 5

CƠ CẤU XÃ HỘI - GIAI CẤP VÀ LIÊN MINH GIAI CẤP, TẦNG LỚP TRONG THỜI KỲ QUÁ ĐỘ LÊN CHỦ NGHĨA XÃ HỘI

I. CƠ CẤU XÃ HỘI - GIAI CẤP TRONG THỜI KỲ QUÁ ĐỘ LÊN CHỦ NGHĨA XÃ HỘI

1. Khái niệm và vị trí của cơ cấu xã hội - giai cấp trong cơ cấu xã hội

a. Khái niệm cơ cấu xã hội và cơ cấu xã hội - giai cấp

- *Cơ cấu xã hội:*

+ Khái niệm: Cơ cấu xã hội là những cộng đồng người cùng toàn bộ những mối quan hệ xã hội do sự tác động lẫn nhau của các cộng đồng ấy tạo nên.

+ Các loại hình cơ cấu xã hội: cơ cấu xã hội - dân cư, cơ cấu xã hội - nghề nghiệp, cơ cấu xã hội - giai cấp, cơ cấu xã hội - dân tộc, cơ cấu xã hội - tôn giáo, v.v.

- Cơ cấu xã hội - giai cấp: là hệ thống các giai cấp, tầng lớp xã hội tồn tại khách quan trong một chế độ xã hội nhất định, thông qua những mối quan hệ về sở hữu tư liệu sản xuất, về tổ chức quản lý sản xuất, về phân phối thu nhập, về địa vị chính trị - xã hội... giữa các giai cấp và tầng lớp đó.

b. Vị trí của cơ cấu xã hội - giai cấp trong cơ cấu xã hội

- Cơ cấu xã hội - giai cấp là loại hình cơ bản và có vị trí quan trọng hàng đầu, chi phối các loại hình cơ cấu xã hội khác vì những lý do cơ bản sau:

+ Cơ cấu xã hội - giai cấp liên quan đến các đảng phái chính trị và nhà nước; đến quyền sở hữu tư liệu sản xuất, quản lý, tổ chức lao động, phân phối thu nhập... trong một hệ thống sản xuất nhất định.

+ Sự biến đổi của cơ cấu xã hội - giai cấp tất yếu sẽ ảnh hưởng đến sự biến đổi của các loại hình cơ cấu xã hội khác và tác động đến sự biến đổi của toàn bộ cơ cấu xã hội, cũng như tác động đến tất cả các lĩnh vực của đời sống xã hội.

+ Cơ cấu xã hội - giai cấp là căn cứ cơ bản để từ đó xây dựng chính sách phát triển kinh tế, văn hóa, xã hội của mỗi quốc gia trong từng giai đoạn lịch sử cụ thể.

- Mặc dù cơ cấu xã hội - giai cấp giữ vị trí quan trọng song không được tuyệt đối hóa nó và xem nhẹ các loại hình cơ cấu xã hội khác.

2. Sự biến đổi có tính quy luật của cơ cấu xã hội - giai cấp trong thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội

❖ Quan niệm về cơ cấu xã hội - giai cấp trong thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội

Cơ cấu xã hội - giai cấp trong thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội là tổng thể các giai cấp, các tầng lớp, các nhóm xã hội có mối quan hệ hợp tác và gắn bó chặt chẽ với nhau trong thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội. Yếu tố quyết định mối quan hệ đó là họ cùng chung sức cải tạo xã hội và xây dựng xã hội mới trên mọi lĩnh vực của đời sống xã hội.

❖ Sự biến đổi có tính quy luật của cơ cấu xã hội - giai cấp trong thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội

- Cơ cấu xã hội - giai cấp biến đổi gắn liền và được quy định bởi cơ cấu kinh tế của thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội.

+ Cơ cấu kinh tế bao gồm cơ cấu ngành kinh tế, cơ cấu vùng kinh tế, cơ cấu thành phần kinh tế và mối quan hệ hữu cơ giữa chúng.

+ Quá trình biến đổi cơ cấu kinh tế trong thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội tất yếu dẫn đến những biến đổi trong cơ cấu xã hội - giai cấp, cả trong cơ cấu tổng thể và trong nội bộ từng giai cấp, tầng lớp.

+ Xu hướng biến đổi này diễn ra khác nhau ở mỗi quốc gia do bị quy định bởi những khác biệt về trình độ phát triển kinh tế, về hoàn cảnh và điều kiện lịch sử của mỗi nước.

- Cơ cấu xã hội - giai cấp biến đổi phức tạp, đa dạng, làm xuất hiện các tầng lớp xã hội mới.

+ Giai đoạn đầu cơ cấu xã hội - giai cấp biến đổi nhanh chóng, mạnh mẽ, có những yếu tố mang tính tự phát và sẽ dần đi vào ổn định ở những giai đoạn cuối của thời kỳ quá độ.

+ Chính cơ cấu kinh tế nhiều thành phần đã dẫn đến những biến đổi đa dạng, phức tạp của cơ cấu xã hội - giai cấp mà biểu hiện của nó là sự tồn tại các giai cấp, tầng lớp khác nhau trong thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội.

- Cơ cấu xã hội - giai cấp biến đổi trong mối quan hệ vừa đấu tranh, vừa liên minh, từng bước xóa bỏ bất bình đẳng xã hội dẫn đến sự xích lại gần nhau giữa các giai cấp, tầng lớp.

+ Đấu tranh giai cấp để xóa bỏ giai cấp bóc lột, từ đó tiến tới một bước cao hơn là xóa bỏ sự khác biệt giai cấp, hướng tới mục tiêu cuối cùng là xóa bỏ sự phân chia xã hội thành giai cấp.

+ Xu hướng tất yếu là sự liên minh, xích lại gần nhau giữa các giai cấp, tầng lớp cơ bản trong xã hội, đặc biệt là giữa giai cấp công nhân, giai cấp nông dân và tầng lớp trí thức nhằm khắc phục sự khác biệt giữa các giai tầng lao động trong xã hội. Trong khối liên minh đó, giai cấp công nhân giữ vai trò chủ đạo.

II. LIÊN MINH GIAI CẤP, TẦNG LỚP TRONG THỜI KỲ QUÁ ĐỘ LÊN CHỦ NGHĨA XÃ HỘI

1. Tính tất yếu của liên minh giai cấp, tầng lớp trong thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội

a. Dưới góc độ chính trị - xã hội

- Liên minh giai cấp, tầng lớp là nhu cầu tất yếu khách quan, là quy luật mang tính phổ biến và là động lực lớn cho sự phát triển của các xã hội có giai cấp.

- Trong cách mạng xã hội chủ nghĩa, dưới sự lãnh đạo của Đảng Cộng sản, giai cấp công nhân phải liên minh với giai cấp nông dân và các tầng lớp nhân dân lao động để tạo sức mạnh tổng hợp đảm bảo cho thắng lợi của cuộc cách mạng này cả trong giai đoạn giành chính quyền và giai đoạn xây dựng xã hội mới.

- Liên minh đảm bảo vai trò lãnh đạo của giai cấp công nhân, là cơ sở chính trị - xã hội của nhà nước xã hội chủ nghĩa, là điều kiện quyết định công cuộc cải tạo xã hội cũ, xây dựng xã hội mới.

b. Dưới góc độ kinh tế

- Liên minh trên lĩnh vực kinh tế là nhân tố suy đến cùng quyết định nhất cho sự thắng lợi hoàn toàn của chủ nghĩa xã hội.

- Xuất phát từ yêu cầu khách quan của quá trình đẩy mạnh công nghiệp hóa, hiện đại hóa, và chuyển dịch cơ cấu kinh tế nhất là từ một nền sản xuất nhỏ nông nghiệp là

chính sang sản xuất hàng hóa lớn, phát triển công nghiệp, dịch vụ và khoa học - công nghệ..., xây dựng nền tảng vật chất - kỹ thuật cần thiết cho chủ nghĩa xã hội.

- Xuất phát từ chính nhu cầu và lợi ích kinh tế của các giai cấp, tầng lớp là chủ thể của các lĩnh vực công nghiệp, nông nghiệp, dịch vụ, khoa học - công nghệ... tất yếu phải gắn bó, liên minh với nhau để cùng thực hiện những nhu cầu và lợi ích kinh tế của mình.

2. Nội dung của liên minh giai cấp, tầng lớp trong thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội

a. Nội dung chính trị của liên minh

- Xây dựng chế độ dân chủ xã hội chủ nghĩa đảm bảo quyền lực thuộc về nhân dân.
- Xóa bỏ hoàn toàn chế độ áp bức, bóc lột, xây dựng thành công chủ nghĩa xã hội, tiến tới chủ nghĩa cộng sản.

- Phát huy vai trò của các giai cấp, tầng lớp trong xây dựng hệ thống chính trị xã hội chủ nghĩa.

- Đảm bảo vai trò lãnh đạo của Đảng Cộng sản đối với khối liên minh.

b. Nội dung kinh tế của liên minh

- Tạo cơ sở cho sự phát triển nhanh của quan hệ sản xuất mới, đồng thời xây dựng cơ sở vật chất cho chủ nghĩa xã hội.

- Đáp ứng nhu cầu và lợi ích kinh tế của các giai cấp, tầng lớp trong khối liên minh.

- Phát huy vai trò của các giai cấp, tầng lớp trong khối liên minh.

- Kịp thời phát hiện và giải quyết những mâu thuẫn phát sinh trong quá trình liên minh giữa các giai cấp, tầng lớp nhằm tạo ra sự đồng thuận, tạo động lực thúc đẩy sự nghiệp công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước.

III. CƠ CẤU XÃ HỘI - GIAI CẤP VÀ LIÊN MINH GIAI CẤP, TẦNG LỚP TRONG THỜI KỲ QUÁ ĐỘ LÊN CHỦ NGHĨA XÃ HỘI Ở VIỆT NAM

1. Cơ cấu xã hội - giai cấp trong thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội ở Việt Nam

- Sự biến đổi cơ cấu xã hội - giai cấp vừa đảm bảo tính qui luật phổ biến, vừa mang tính đặc thù của xã hội Việt Nam.

- Trong sự biến đổi của cơ cấu xã hội - giai cấp, vị trí, vai trò của các giai cấp, tầng lớp ngày càng được khẳng định:

+ *Giai cấp công nhân*: là giai cấp lãnh đạo cách mạng thông qua đội tiên phong là Đảng Cộng sản Việt Nam; đại diện cho phương thức sản xuất tiên tiến; giữ vị trí tiên phong trong sự nghiệp xây dựng chủ nghĩa xã hội, là lực lượng đi đầu trong sự nghiệp công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước vì mục tiêu dân giàu, nước mạnh, dân chủ, công bằng, văn minh và là lực lượng nòng cốt trong liên minh giai cấp công nhân với giai cấp nông dân và đội ngũ trí thức.

+ *Giai cấp nông dân*: có vị trí chiến lược trong sự nghiệp công nghiệp hoá, hiện đại hoá, góp phần xây dựng và bảo vệ Tổ quốc, là cơ sở và lực lượng quan trọng để phát triển kinh tế - xã hội bền vững, giữ vững ổn định chính trị, đảm bảo an ninh, quốc phòng; giữ gìn, phát huy bản sắc văn hoá dân tộc và bảo vệ môi trường sinh thái; là chủ thể của quá trình phát triển, xây dựng nông thôn mới gắn với xây dựng các cơ sở công nghiệp, dịch vụ và phát triển đô thị theo quy hoạch, phát triển toàn diện, hiện đại hóa nông nghiệp.

+ *Đội ngũ trí thức*: là lực lượng lao động sáng tạo đặc biệt quan trọng trong tiến trình đẩy mạnh công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước và hội nhập quốc tế, xây dựng kinh tế tri thức, phát triển nền văn hóa Việt Nam tiên tiến, đậm đà bản sắc dân tộc.

+ *Đội ngũ doanh nhân*: đang phát triển nhanh cả về số lượng và quy mô với vai trò không ngừng tăng lên, có đóng góp tích cực vào thực hiện chiến lược phát triển kinh tế - xã hội, giải quyết việc làm cho người lao động và tham gia giải quyết các vấn đề an sinh xã hội, xóa đói, giảm nghèo. Đây là tầng lớp xã hội đặc biệt được Đảng ta chủ trương xây dựng thành một đội ngũ vững mạnh.

2. Liên minh giai cấp, tầng lớp trong thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội ở Việt Nam

a. Nội dung của liên minh giai cấp, tầng lớp trong thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội ở Việt Nam

- *Nội dung kinh tế của liên minh*:

+ Vị trí của liên minh giai cấp, tầng lớp trên lĩnh vực kinh tế: Đây là nội dung cơ bản quyết định nhất, là cơ sở vật chất - kỹ thuật của liên minh trong thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội.

+ Mục đích của liên minh giai cấp, tầng lớp trên lĩnh vực kinh tế: nhằm thỏa mãn nhu cầu, lợi ích kinh tế của các giai cấp, tầng lớp trong khối liên minh.

+ Thực chất của liên minh trên lĩnh vực kinh tế là sự hợp tác giữa các giai cấp, tầng lớp để xây dựng nền kinh tế xã hội chủ nghĩa hiện đại.

+ Nội dung của liên minh trên lĩnh vực kinh tế:

Xác định đúng tiềm lực kinh tế và nhu cầu kinh tế của các giai cấp, tầng lớp, trên cơ sở đó xây dựng kế hoạch đầu tư và tổ chức triển khai các hoạt động kinh tế theo tinh thần đảm bảo lợi ích của các bên, tránh đầu tư không hiệu quả, lãng phí.

Tổ chức các hình thức giao lưu, hợp tác, liên kết kinh tế giữa công nghiệp - nông nghiệp - khoa học và công nghệ - dịch vụ; giữa các ngành kinh tế; các thành phần kinh tế, các vùng kinh tế; giữa trong nước và quốc tế để phát triển sản xuất kinh doanh, nâng cao đời sống cho công nhân, nông dân, trí thức và toàn xã hội.

Chuyển giao và ứng dụng khoa học - kỹ thuật và công nghệ hiện đại....

- *Nội dung chính trị của liên minh:*

+ Mục đích của liên minh trên lĩnh vực chính trị: nhằm tạo cơ sở chính trị - xã hội vững chắc cho khối đại đoàn kết toàn dân.

+ Nội dung của liên minh trên lĩnh vực chính trị:

Giữ vững lập trường chính trị - tư tưởng của giai cấp công nhân đồng thời giữ vững vai trò lãnh đạo của Đảng Cộng sản Việt Nam đối với khối liên minh và đối với toàn xã hội.

Hoàn thiện dân chủ xã hội chủ nghĩa, phát huy quyền làm chủ của nhân dân.

Xây dựng Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa của nhân dân, do nhân dân, vì nhân dân, đảm bảo thực hiện tốt quyền lợi của các giai cấp, tầng lớp trong khối liên minh.

Động viên các lực lượng trong khối liên minh nghiêm chỉnh chấp hành đường lối chính sách của Đảng, Nhà nước, bảo vệ chế độ xã hội chủ nghĩa, bảo vệ thành quả cách mạng. Đấu tranh chống mọi biểu hiện tiêu cực và âm mưu diễn biến hòa bình của các thế lực thù địch.

- *Nội dung văn hóa, xã hội của liên minh:*

+ Mục đích của liên minh trên lĩnh vực văn hóa, xã hội: nhằm xây dựng nền văn hóa tiên tiến, đậm đà bản sắc dân tộc, đồng thời tiếp thu những tinh hoa, giá trị văn hóa của nhân loại và thời đại.

+ Nội dung của liên minh trên lĩnh vực văn hóa, xã hội:

Gắn tăng trưởng kinh tế với phát triển văn hóa; phát triển, xây dựng con người và thực hiện tiến bộ, công bằng xã hội.

Xây dựng nền văn hóa và con người Việt Nam phát triển toàn diện, hướng tới chân - thiện - mỹ, thấm nhuần tinh thần dân tộc, nhân văn, dân chủ và khoa học. Nâng cao chất lượng nguồn nhân lực; xóa đói giảm nghèo; thực hiện tốt các chính sách xã hội....

b. Phương hướng cơ bản nhằm phát huy tính tích cực của biến đổi cơ cấu xã hội - giai cấp và tăng cường liên minh giai cấp, tầng lớp trong thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội ở Việt Nam

- Một là, đẩy mạnh công nghiệp hóa, hiện đại hóa; giải quyết tốt mối quan hệ giữa tăng trưởng kinh tế với đảm bảo tiến bộ, công bằng xã hội tạo môi trường và điều kiện thúc đẩy biến đổi cơ cấu xã hội - giai cấp theo hướng tích cực.

- Hai là, xây dựng và thực hiện hệ thống chính sách xã hội tổng thể nhằm tác động tạo sự biến đổi tích cực cơ cấu xã hội, nhất là các chính sách liên quan đến cơ cấu xã hội - giai cấp.

- Ba là, tạo sự đồng thuận và phát huy tinh thần đoàn kết thống nhất giữa các lực lượng trong khối liên minh và toàn xã hội.

- Bốn là, hoàn thiện thể chế kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa, đẩy mạnh phát triển khoa học và công nghệ, tạo môi trường và điều kiện thuận lợi để phát huy vai trò của các chủ thể trong khối liên minh.

- Năm là, đổi mới hoạt động của Đảng, Nhà nước, Mặt trận Tổ quốc Việt Nam nhằm tăng cường khối liên minh và xây dựng khối đại đoàn kết toàn dân.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Bộ Giáo dục và Đào tạo (2021), *Giáo trình Chủ nghĩa xã hội khoa học* (Dành cho bậc đại học hệ không chuyên lý luận chính trị), Nxb. Chính trị Quốc gia Sự thật, Hà Nội.
2. Hội đồng Trung ương chỉ đạo biên soạn giáo trình Quốc gia các bộ môn khoa học Mác - Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh (2018), *Giáo trình Chủ nghĩa xã hội khoa học*, Nxb. Chính trị Quốc gia Sự thật, Hà Nội.
3. C. Mác và Ph. Ăngghen (2017), *Tuyên ngôn của Đảng Cộng sản*, Nxb. Chính trị Quốc gia Sự thật, Hà Nội.
4. C. Mác và Ph. Ăngghen (1995), “Vấn đề nông dân ở Pháp và ở Đức”, *C. Mác - Ph. Ăngghen toàn tập*, Tập 22, tr. 713 - 746, Nxb. Chính trị Quốc gia, Hà Nội.
5. Đỗ Nguyên Phương - Nguyễn Xuân Kiên (đồng chủ biên) (2010), *Cơ cấu xã hội Việt Nam và những vấn đề xã hội bức xúc trong quá trình đổi mới*, Nxb. Chính trị Quốc gia, Hà Nội.
6. Tạ Ngọc Tấn (2013), *Xu hướng biến đổi cơ cấu xã hội Việt Nam*, Nxb. Chính trị Quốc gia, Hà Nội.
7. Nguyễn Thế Thắng (Chủ biên) (2015), *Xây dựng liên minh giai cấp công nhân, giai cấp nông dân và đội ngũ trí thức trong điều kiện mới*, Nxb. Lý luận chính trị, Hà Nội.

Chương 6
VẤN ĐỀ DÂN TỘC VÀ TÔN GIÁO
TRONG THỜI KỲ QUÁ ĐỘ LÊN CHỦ NGHĨA XÃ HỘI

I. DÂN TỘC TRONG THỜI KỲ QUÁ ĐỘ LÊN CHỦ NGHĨA XÃ HỘI

1. Khái niệm, đặc trưng cơ bản của dân tộc

Dân tộc được hiểu theo hai nghĩa cơ bản:

- *Theo nghĩa rộng*, dân tộc là khái niệm dùng để chỉ một cộng đồng người ổn định làm thành nhân dân một nước, có lãnh thổ riêng, nền kinh tế thống nhất, có ngôn ngữ chung và có ý thức về sự thống nhất của mình, gắn bó với nhau bởi quyền lợi chính trị, kinh tế, truyền thống văn hóa và truyền thống đấu tranh chung trong suốt quá trình lịch sử lâu dài dựng nước và giữ nước.

Đặc trưng cơ bản:

- + Có chung một vùng lãnh thổ ổn định.
- + Có chung phương thức sinh hoạt kinh tế (đặc trưng quan trọng nhất).
- + Có chung một ngôn ngữ làm công cụ giao tiếp.
- + Có chung một nền văn hóa và tâm lý.
- + Có chung một nhà nước (nhà nước dân tộc).

- *Theo nghĩa hẹp*, dân tộc là khái niệm dùng để chỉ một cộng đồng tộc người được hình thành trong lịch sử, có mối liên hệ chặt chẽ và bền vững, có chung ý thức tự giác tộc người, ngôn ngữ và văn hóa.

Đặc trưng cơ bản:

- + Cộng đồng về ngôn ngữ
- + Cộng đồng về văn hóa
- + Ý thức tự giác tộc người (tiêu chí quan trọng nhất)

2. Chủ nghĩa Mác - Lênin về vấn đề dân tộc

a. Hai xu hướng khách quan của sự phát triển quan hệ dân tộc

- *V.I. Lênin phát hiện ra 2 xu hướng khách quan trong sự phát triển quan hệ dân tộc:*

+ Xu hướng thứ nhất: Cộng đồng dân cư muốn tách ra để hình thành cộng đồng dân tộc độc lập.

Nguyên nhân: Do sự thức tỉnh, sự trưởng thành về ý thức dân tộc, về quyền sống của mình, các cộng đồng dân cư muốn tách ra thành lập các dân tộc độc lập.

+ Xu hướng thứ hai: Các dân tộc trong từng quốc gia, thậm chí các dân tộc ở nhiều quốc gia muốn liên hiệp lại với nhau.

Nguyên nhân: Xu hướng này nổi lên trong giai đoạn chủ nghĩa tư bản chuyển sang giai đoạn đế quốc chủ nghĩa, do sự phát triển của lực lượng sản xuất, khoa học - công nghệ, của giao lưu kinh tế và văn hóa trong xã hội tư bản chủ nghĩa làm xuất hiện nhu cầu xóa bỏ hàng rào ngăn cách giữa các dân tộc, thúc đẩy các dân tộc xích lại gần nhau.

- *Biểu hiện của hai xu hướng khách quan trong thời đại ngày nay:*

+ Trong phạm vi quốc gia:

Xu hướng thứ nhất thể hiện trong sự nỗ lực của từng tộc người để đi tới sự tự do, bình đẳng và phồn vinh.

Xu hướng thứ hai thể hiện ở sự xuất hiện những động lực thúc đẩy các dân tộc trong một cộng đồng quốc gia xích lại gần nhau, hòa hợp với nhau ở mức độ cao hơn trên mọi lĩnh vực của đời sống xã hội.

+ Trong phạm vi quốc tế:

Xu hướng thứ nhất thể hiện trong phong trào giải phóng dân tộc nhằm chống lại chủ nghĩa đế quốc và chống chính sách thực dân đô hộ dưới mọi hình thức. Độc lập dân tộc chính là mục tiêu chính trị chủ yếu của mọi quốc gia trong thời đại ngày nay. Độc lập tự chủ của mỗi dân tộc là xu hướng khách quan, là chân lý của thời đại.

Xu hướng thứ hai thể hiện ở xu thế các dân tộc muốn xích lại gần nhau, hợp tác với nhau để hình thành liên minh dân tộc ở phạm vi khu vực hoặc toàn cầu.

- *Mối quan hệ:* Hai xu hướng khách quan của sự phát triển dân tộc có sự thống nhất biện chứng với nhau trong tiến trình phát triển của mỗi quốc gia và của toàn nhân loại.

b. Cương lĩnh dân tộc của chủ nghĩa Mác - Lênin

- *Căn cứ để ra Cương lĩnh dân tộc:*

+ Quan điểm của chủ nghĩa Mác về mối quan hệ giữa dân tộc và giai cấp;

+ Sự phân tích hai xu hướng khách quan của sự phát triển các dân tộc;

+ Kinh nghiệm của cách mạng thế giới và thực tiễn cách mạng Nga.

- *Nội dung Cương lĩnh:*

+ *Các dân tộc hoàn toàn bình đẳng:*

Đây là quyền thiêng liêng của các dân tộc, không phân biệt lớn hay nhỏ, trình độ phát triển cao hay thấp.

Các dân tộc đều có nghĩa vụ và quyền lợi ngang nhau trên tất cả các lĩnh vực của đời sống xã hội, không dân tộc nào được giữ đặc quyền, đặc lợi.

Trong quan hệ xã hội và quan hệ quốc tế, không dân tộc nào có quyền đi áp bức, bóc lột dân tộc khác. Trong quốc gia đa dân tộc, quyền bình đẳng dân tộc phải được thể hiện trên cơ sở pháp lý và trên thực tế.

Để thực hiện quyền bình đẳng phải thủ tiêu tình trạng áp bức giai cấp, áp bức dân tộc, đấu tranh chống chủ nghĩa phân biệt chủng tộc, chủ nghĩa dân tộc cực đoan.

+ *Các dân tộc có quyền tự quyết:*

Là quyền của các dân tộc tự quyết định lấy vận mệnh của dân tộc mình, quyền tự lựa chọn chế độ chính trị và con đường phát triển của dân tộc mình.

Bao gồm quyền tự do phân lập thành cộng đồng quốc gia dân tộc độc lập và quyền tự nguyện liên hiệp với các dân tộc khác trên cơ sở bình đẳng.

Thực hiện quyền dân tộc tự quyết phải xuất phát từ thực tiễn - cụ thể và phải đứng vững trên lập trường của giai cấp công nhân, đảm bảo sự thống nhất giữa lợi ích dân tộc và lợi ích của giai cấp công nhân.

Quyền tự quyết dân tộc không đồng nhất với “quyền” của các tộc người thiểu số trong một quốc gia đa tộc người, nhất là việc phân lập thành quốc gia độc lập. Vì vậy, cần đấu tranh chống lại mọi âm mưu, thủ đoạn của các thế lực phản động, thù địch lợi dụng chiêu bài “dân tộc tự quyết” để can thiệp vào công việc nội bộ của các nước hoặc kích động ly khai dân tộc.

+ *Liên hiệp công nhân tất cả các nước:*

Phản ánh sự thống nhất giữa giải phóng dân tộc và giải phóng giai cấp; sự gắn bó chặt chẽ giữa chủ nghĩa yêu nước và chủ nghĩa quốc tế chân chính.

Là cơ sở vững chắc để đoàn kết các tầng lớp nhân dân lao động thuộc các dân tộc trong cuộc đấu tranh chống chủ nghĩa đế quốc vì độc lập dân tộc và tiến bộ xã hội.

Đây vừa là nội dung chủ yếu vừa là giải pháp quan trọng để liên kết các nội dung của Cương lĩnh dân tộc thành chỉnh thể thống nhất.

- *Ý nghĩa của Cương lĩnh*: là cơ sở lý luận quan trọng để các Đảng Cộng sản vận dụng thực hiện chính sách dân tộc trong quá trình đấu tranh giành độc lập dân tộc và xây dựng chủ nghĩa xã hội.

3. Dân tộc và quan hệ dân tộc ở Việt Nam

a. Đặc điểm dân tộc Việt Nam

- Có sự chênh lệch về số dân giữa các tộc người.
- Các dân tộc cư trú xen kẽ nhau.
- Các dân tộc thiểu số phân bố chủ yếu ở địa bàn có vị trí chiến lược quan trọng.
- Các dân tộc có trình độ phát triển không đều.
- Các dân tộc có truyền thống đoàn kết gắn bó lâu dài trong cộng đồng dân tộc - quốc gia thống nhất.

- Mỗi dân tộc có bản sắc văn hóa riêng, góp phần tạo nên sự phong phú, đa dạng của nền văn hóa Việt Nam thống nhất.

b. Quan điểm và chính sách của Đảng, Nhà nước Việt Nam về vấn đề dân tộc

Quan điểm của Đảng về vấn đề dân tộc

- Vấn đề dân tộc và đoàn kết dân tộc là vấn đề chiến lược cơ bản, lâu dài, đồng thời cũng là vấn đề cấp bách hiện nay của Việt Nam.

- Các dân tộc bình đẳng, đoàn kết, tương trợ, giúp đỡ nhau cùng phát triển.
- Phát triển toàn diện chính trị, kinh tế, văn hóa, xã hội và an ninh - quốc phòng trên địa bàn vùng dân tộc và miền núi...

- Ưu tiên đầu tư phát triển kinh tế - xã hội các vùng dân tộc và miền núi, tập trung vào phát triển giao thông và cơ sở hạ tầng, xóa đói giảm nghèo...

- Công tác dân tộc và thực hiện chính sách dân tộc là nhiệm vụ của toàn Đảng, toàn dân, toàn quân, của các cấp, các ngành và toàn bộ hệ thống chính trị.

Chính sách dân tộc của Đảng, Nhà nước Việt Nam

- Về chính trị: Thực hiện bình đẳng, đoàn kết, tôn trọng, giúp nhau cùng phát triển giữa các dân tộc.

- Về kinh tế: Phát huy tiềm năng phát triển, từng bước khắc phục khoảng cách chênh lệch giữa các vùng, giữa các dân tộc.

- Về văn hóa: Xây dựng nền văn hóa Việt Nam tiên tiến, đậm đà bản sắc dân tộc.

- Về xã hội: Thực hiện chính sách xã hội, đảm bảo an sinh xã hội trong vùng đồng bào dân tộc thiểu số.

- Về an ninh quốc phòng: Tăng cường sức mạnh bảo vệ tổ quốc trên cơ sở đảm bảo ổn định chính trị, kinh tế, văn hóa, xã hội, an ninh, quốc phòng ở các địa bàn vùng dân tộc thiểu số, vùng biên giới, rừng núi, hải đảo.

II. TÔN GIÁO TRONG THỜI KỲ QUÁ ĐỘ LÊN CHỦ NGHĨA XÃ HỘI

1. Quan điểm của chủ nghĩa Mác - Lênin về tôn giáo

a. Khái niệm, bản chất, nguồn gốc và tính chất của tôn giáo

❖ *Khái niệm và bản chất:*

- Khái niệm:

+ Theo chủ nghĩa Mác - Lênin: Tôn giáo là một hình thái ý thức xã hội phản ánh hư ảo hiện thực khách quan. Thông qua sự phản ánh đó, các lực lượng tự nhiên và xã hội trở thành siêu nhiên, thần bí.

+ Cách tiếp cận khác: Tôn giáo là một thực thể xã hội - các tôn giáo cụ thể (Công giáo, Tin lành, Phật giáo...) với các tiêu chí cơ bản:

Niềm tin tôn giáo

Hệ thống giáo thuyết (giáo lý, giáo luật, lễ nghi)

Hệ thống cơ sở thờ tự

Tổ chức nhân sự, quản lý điều hành việc đạo

Hệ thống tín đồ đông đảo

- *Bản chất của tôn giáo:*

+ Tôn giáo là một hiện tượng xã hội - văn hóa do con người sáng tạo ra. Nhưng con người lại bị lệ thuộc vào tôn giáo, tuyệt đối hóa và phục tùng tôn giáo vô điều kiện.

+ Tôn giáo là hiện tượng xã hội phản ánh sự bất lực, bế tắc của con người trước tự nhiên và xã hội.

+ Tôn giáo chứa đựng các giá trị nhân văn, nhân đạo, hướng thiện, đồng thời phản ánh ước mơ, nguyện vọng của con người về một xã hội tốt đẹp hơn.

+ Các tôn giáo mang thế giới quan duy tâm, đối lập với thế giới quan duy vật biện chứng, khoa học của chủ nghĩa Mác - Lênin.

- *Phân biệt tôn giáo với tín ngưỡng, mê tín dị đoan:*

+ Sự giống nhau:

Đều thể hiện niềm tin, sự ngưỡng mộ của con người vào sức mạnh của các lực lượng siêu nhiên, thần bí.

Đều có chức năng điều chỉnh hành vi đạo đức của con người.

+ Sự khác nhau:

Mức độ niềm tin vào sức mạnh của các lực lượng siêu nhiên ở tín ngưỡng, tôn giáo và mê tín dị đoan theo cấp độ tăng dần. Trong đó, niềm tin tín ngưỡng là niềm tin thông thường, niềm tin tôn giáo là niềm tin tuyệt đối, còn mê tín dị đoan thể hiện niềm tin mê muội, cuồng tín.

Tôn giáo bao gồm các yếu tố: niềm tin tôn giáo, hệ thống giáo thuyết (giáo lý, giáo luật, lễ nghi), hệ thống cơ sở thờ tự, bộ máy tổ chức và hệ thống các tín đồ. Còn tín ngưỡng và mê tín dị đoan thì không có đầy đủ các yếu tố nhận diện này.

❖ *Nguồn gốc của tôn giáo*

- *Nguồn gốc kinh tế - xã hội:*

+ Chế độ tư hữu xuất hiện, xã hội có sự phân hóa giai cấp.

+ Khi xã hội xuất hiện đối kháng giai cấp, do không giải thích được nguồn gốc của sự phân hóa giai cấp và áp bức, bóc lột, bất công, tội ác... cộng với lo sợ trước sự thống trị của các lực lượng xã hội, con người trông chờ vào sự giải phóng của một lực lượng siêu nhiên ngoài trần thế.

- *Nguồn gốc nhận thức:*

+ Ở một giai đoạn lịch sử nhất định, sự nhận thức của con người về tự nhiên, xã hội và chính bản thân mình có giới hạn, khi những điều mà khoa học chưa giải thích được thì điều đó thường được giải thích thông qua lăng kính tôn giáo.

+ Ngay cả những vấn đề đã được khoa học chứng minh nhưng do trình độ dân trí thấp, chưa thể nhận thức đầy đủ, thì đây vẫn là điều kiện, mảnh đất cho tôn giáo ra đời, tồn tại và phát triển.

- *Nguồn gốc tâm lý:*

+ Sự sợ hãi trước những hiện tượng tự nhiên, xã hội, lúc ốm đau, bệnh tật, những may, rủi bất ngờ xảy ra trong cuộc sống hoặc tâm lý muốn được bình yên khi làm việc lớn, con người cũng dễ tìm đến với tôn giáo.

+ Những tình cảm tích cực như tình yêu, lòng biết ơn, sự kính trọng đối với những người có công với nước, với dân cũng dễ dẫn con người đến với tôn giáo.

❖ *Tính chất của tôn giáo*

- *Tính lịch sử:*

+ Tôn giáo là một hiện tượng xã hội có sự hình thành, tồn tại, phát triển và có khả năng biến đổi trong những giai đoạn lịch sử nhất định để thích nghi với nhiều chế độ chính trị - xã hội.

+ Theo quan điểm của chủ nghĩa Mác - Lênin, đến một giai đoạn lịch sử nào đó, khi khoa học và giáo dục giúp đại đa số nhân dân nhận thức được bản chất của các hiện tượng tự nhiên và xã hội thì tôn giáo sẽ dần mất đi vị trí của nó trong đời sống xã hội và cả trong nhận thức, niềm tin của mỗi người.

- *Tính quần chúng:*

+ Biểu hiện ở số lượng tín đồ rất đông đảo (gần 3/4 dân số thế giới chịu ảnh hưởng bởi tôn giáo).

+ Tôn giáo là nơi sinh hoạt văn hóa, tinh thần của một bộ phận quần chúng nhân dân.

+ Phản ánh khát vọng của người lao động về một xã hội tự do, bình đẳng, bác ái.

+ Nhiều tôn giáo có tính nhân văn, nhân đạo, hướng thiện.

- *Tính chính trị:*

+ Xuất hiện khi xã hội đã phân chia giai cấp, có sự khác biệt, đối kháng về lợi ích giai cấp.

+ Tôn giáo là sản phẩm của những điều kiện kinh tế - xã hội, phản ánh lợi ích, nguyện vọng của các giai cấp khác nhau trong cuộc đấu tranh giai cấp, đấu tranh dân tộc.

+ Khi các giai cấp thống trị, bóc lột sử dụng tôn giáo để phục vụ cho lợi ích giai cấp mình, chống lại nhân dân lao động và tiến bộ xã hội, tôn giáo mang tính chính trị tiêu cực.

b. Nguyên tắc giải quyết tôn giáo trong thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội

- *Tôn trọng, bảo đảm quyền tự do tín ngưỡng và không tín ngưỡng của nhân dân:*

+ Tự do tín ngưỡng và không tín ngưỡng thuộc quyền tự do tư tưởng của nhân dân.

+ Tôn trọng tự do tín ngưỡng cũng chính là tôn trọng quyền con người, thể hiện bản chất ưu việt của chế độ xã hội chủ nghĩa. Nhà nước xã hội chủ nghĩa không can thiệp

và không cho bất cứ ai can thiệp, xâm phạm đến quyền tự do tín ngưỡng, quyền lựa chọn theo hay không theo tôn giáo của nhân dân.

- Khắc phục dần những ảnh hưởng tiêu cực của tôn giáo phải gắn liền với quá trình cải tạo xã hội cũ, xây dựng xã hội mới.

+ Chủ nghĩa Mác - Lênin chỉ hướng vào giải quyết những ảnh hưởng tiêu cực của tôn giáo đối với quần chúng lao động chứ không can thiệp vào công việc nội bộ của các tôn giáo, không tuyên chiến với tôn giáo, không chủ trương xoá bỏ tôn giáo như luận điệu tuyên truyền của các thế lực thù địch.

+ Muốn thay đổi ý thức xã hội, trước hết cần phải thay đổi bản thân tồn tại xã hội; muốn xoá bỏ ảo tưởng nảy sinh trong tư tưởng con người, phải xoá bỏ nguồn gốc sinh ra ảo tưởng ấy. Đó là một quá trình lâu dài, và không thể thực hiện được nếu tách rời việc cải tạo xã hội cũ, xây dựng xã hội mới.

- Phân biệt hai mặt chính trị và tư tưởng; tín ngưỡng, tôn giáo và lợi dụng tín ngưỡng, tôn giáo trong quá trình giải quyết vấn đề tôn giáo.

+ Hai mặt chính trị và tư tưởng thường thể hiện và có mối quan hệ với nhau trong vấn đề tôn giáo và trong bản thân mỗi tôn giáo:

Mặt chính trị phản ánh mối quan hệ giữa tiến bộ với phản tiến bộ, phản ánh mâu thuẫn đối kháng về lợi ích kinh tế, chính trị giữa các giai cấp, mâu thuẫn giữa những thế lực lợi dụng tôn giáo chống lại sự nghiệp cách mạng với lợi ích của nhân dân lao động.

Mặt tư tưởng biểu hiện sự khác nhau về niềm tin, mức độ tin giữa những người có tín ngưỡng tôn giáo và những người không theo tôn giáo, cũng như những người có tín ngưỡng, tôn giáo khác nhau, phản ánh mâu thuẫn không mang tính đối kháng.

+ Phân biệt hai mặt chính trị và tư tưởng trong vấn đề tôn giáo thực chất là phân biệt tính chất khác nhau của hai loại mâu thuẫn luôn tồn tại trong bản thân tôn giáo và trong vấn đề tôn giáo nhằm tránh khuynh hướng cực đoan trong quá trình quản lý, ứng xử những vấn đề liên quan đến tín ngưỡng, tôn giáo.

- Quan điểm lịch sử cụ thể trong giải quyết vấn đề tôn giáo, tín ngưỡng.

+ Tôn giáo luôn luôn vận động và biến đổi không ngừng tùy thuộc vào những điều kiện kinh tế - xã hội - lịch sử cụ thể. Mỗi tôn giáo đều có lịch sử hình thành, có quá trình tồn tại, phát triển và có vai trò nhất định đối với đời sống xã hội.

+ Cần phải có quan điểm lịch sử cụ thể khi xem xét, đánh giá và ứng xử đối với những vấn đề có liên quan đến tôn giáo và đối với từng tôn giáo cụ thể.

2. Tôn giáo ở Việt Nam và chính sách tôn giáo của Đảng, Nhà nước ta hiện nay

a. Đặc điểm tôn giáo ở Việt Nam

- Việt Nam là một quốc gia có nhiều tôn giáo.
- Các tôn giáo đa dạng, đan xen, chung sống hòa bình và không có xung đột, chiến tranh tôn giáo.
- Tín đồ các tôn giáo phần lớn là nhân dân lao động, có lòng yêu nước, tinh thần dân tộc.
- Hàng ngũ chức sắc các tôn giáo có vai trò, vị trí quan trọng trong giáo hội, có uy tín, ảnh hưởng với tín đồ.
- Các tôn giáo đều có quan hệ với các tổ chức, cá nhân tôn giáo ở nước ngoài.

b. Chính sách của Đảng, Nhà nước Việt Nam đối với tín ngưỡng, tôn giáo hiện nay

- Tín ngưỡng, tôn giáo là nhu cầu tinh thần của một bộ phận nhân dân, đang và sẽ tồn tại cùng dân tộc trong quá trình xây dựng chủ nghĩa xã hội ở nước ta.
- Đảng, Nhà nước thực hiện nhất quán chính sách đại đoàn kết dân tộc.
- Nội dung cốt lõi của công tác tôn giáo là công tác vận động quần chúng.
- Công tác tôn giáo là trách nhiệm của cả hệ thống chính trị.
- Việc theo đạo và truyền đạo cũng như mọi hoạt động tôn giáo khác đều phải tuân thủ Hiến pháp và pháp luật.

III. QUAN HỆ DÂN TỘC VÀ TÔN GIÁO Ở VIỆT NAM

1. Đặc điểm quan hệ dân tộc và tôn giáo ở Việt Nam

- Việt Nam là một quốc gia đa dân tộc, đa tôn giáo; quan hệ dân tộc và tôn giáo được thiết lập và củng cố trên cơ sở cộng đồng quốc gia - dân tộc thống nhất.
- Quan hệ dân tộc và tôn giáo ở Việt Nam chịu sự chi phối mạnh mẽ bởi tín ngưỡng truyền thống.
- Các hiện tượng tôn giáo mới có xu hướng phát triển mạnh làm ảnh hưởng đến đời sống cộng đồng và khối đại đoàn kết toàn dân tộc.

2. Định hướng giải quyết mối quan hệ dân tộc và tôn giáo ở Việt Nam hiện nay

- Tăng cường mối quan hệ tốt đẹp giữa dân tộc và tôn giáo, củng cố khối đại đoàn kết toàn dân tộc và đoàn kết tôn giáo là vấn đề chiến lược, cơ bản, lâu dài và cấp bách của Việt Nam.

- Giải quyết mối quan hệ dân tộc và tôn giáo phải đặt trong mối quan hệ với cộng đồng quốc gia - dân tộc thống nhất theo định hướng xã hội chủ nghĩa.

- Giải quyết mối quan hệ dân tộc và tôn giáo phải đảm bảo quyền tự do tín ngưỡng, tôn giáo của nhân dân, quyền của các dân tộc thiểu số, đồng thời kiên quyết đấu tranh chống lợi dụng vấn đề dân tộc, tôn giáo vào mục đích chính trị.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Bộ Giáo dục và Đào tạo (2021), *Giáo trình Chủ nghĩa xã hội khoa học* (Dành cho bậc đại học hệ không chuyên lý luận chính trị), Nxb. Chính trị Quốc gia Sự thật, Hà Nội, 2021.
2. Hội đồng Trung ương chỉ đạo biên soạn giáo trình Quốc gia các bộ môn khoa học Mác - Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh (2018), *Giáo trình Chủ nghĩa xã hội khoa học*, Nxb. Chính trị Quốc gia Sự thật, Hà Nội.
3. Học viện Chính trị Quốc gia Hồ Chí Minh (2019), *Giáo trình cao cấp lý luận chính trị Lý luận dân tộc và quan hệ dân tộc ở Việt Nam*, Nxb. Lý luận Chính trị, Hà Nội.
4. Học viện Chính trị quốc gia (2018), *Giáo trình Cao cấp lý luận chính trị Tôn giáo và tín ngưỡng*, Nxb. Lý luận chính trị, Hà Nội.
5. C. Mác (1995) “Phê phán triết học pháp quyền Hê-ghe - Lời nói đầu” *C. Mác - Ph. Ăngghen toàn tập*, Tập 1, Nxb. Chính trị Quốc gia, Hà Nội.
6. C. Mác - Ph. Ăngghen (2017), *Tuyên ngôn của Đảng Cộng sản*, Nxb. Chính trị Quốc gia Sự thật, Hà Nội.
7. V.I. Lênin (2005), “Vấn đề dân tộc trong cương lĩnh của chúng ta”, *V.I. Lênin toàn tập*, Tập 7, tr. 286 - 298, Nxb. Chính trị Quốc gia, Hà Nội.
8. V.I. Lênin (2005), “Về quyền dân tộc tự quyết”, *V.I. Lênin toàn tập*, Tập 25, tr. 286 - 298, Nxb. Chính trị Quốc gia, Hà Nội, tr. 299 - 376.

9. V.I. Lênin (2005), “Chủ nghĩa xã hội và tôn giáo”, *V.I. Lênin toàn tập*, Tập 12, tr. 169 - 175, Nxb. Chính trị Quốc gia, Hà Nội.
10. J. Stalin, “Chủ nghĩa Mác và vấn đề dân tộc”, Nxb. Sự thật, 1970.
11. Ban Tuyên giáo Trung ương (2017), Hướng dẫn số 44-HD/BTGTW Thực hiện chương trình bồi dưỡng chuyên đề “Vấn đề dân tộc và chính sách dân tộc” (*dùng bồi dưỡng cho cán bộ, đảng viên và nhân dân*)
12. Chính phủ (2022), Nghị quyết số 10/NQ-CP ban hành chiến lược công tác dân tộc giai đoạn 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2045.
13. Nghị quyết số 24-NQ/TW ngày 12/3/2003, Hội nghị lần thứ bảy Ban Chấp hành Trung ương Đảng (khóa IX) về công tác dân tộc.
14. Quốc hội (khóa XIV): “*Luật tín ngưỡng, tôn giáo*”, Kỳ họp thứ hai, thông qua ngày 18/6/2016; có hiệu lực từ 01/01/2018.

Chương 7

VẤN ĐỀ GIA ĐÌNH TRONG THỜI KỲ QUÁ ĐỘ LÊN CHỦ NGHĨA XÃ HỘI

I. KHÁI NIỆM, VỊ TRÍ VÀ CHỨC NĂNG CỦA GIA ĐÌNH

1. Khái niệm gia đình

Gia đình là một hình thức cộng đồng xã hội đặc biệt, được hình thành, duy trì và củng cố chủ yếu dựa trên cơ sở hôn nhân, quan hệ huyết thống và quan hệ nuôi dưỡng, cùng với những quy định về quyền và nghĩa vụ của các thành viên trong gia đình.

2. Vị trí của gia đình

a. Gia đình là tế bào của xã hội

- Gia đình được ví như một tế bào tự nhiên, là đơn vị cơ sở tạo nên cơ thể - xã hội.
- Gia đình có vai trò quyết định đối với sự tồn tại, vận động và phát triển của xã hội thông qua việc sản xuất ra các tư liệu tiêu dùng, tư liệu sản xuất và tái sản xuất ra con người. Tuy nhiên, mức độ tác động của gia đình đối với xã hội lại phụ thuộc phần lớn vào bản chất của từng chế độ xã hội.
- Trình độ phát triển mọi mặt của xã hội quyết định đến hình thức, tính chất, kết cấu, quy mô của gia đình.

b. Gia đình là tổ ấm, mang lại các giá trị hạnh phúc, sự hài hòa trong đời sống cá nhân của mỗi thành viên

- Gia đình là môi trường tốt nhất để mỗi cá nhân được yêu thương, nuôi dưỡng, chăm sóc, trưởng thành, phát triển.
- Sự yên ổn, hạnh phúc của gia đình là tiền đề, điều kiện quan trọng cho sự hình thành, phát triển nhân cách, thể lực, trí lực để trở thành công dân tốt cho xã hội.

c. Gia đình là cầu nối giữa cá nhân với xã hội

- Gia đình là cộng đồng xã hội đầu tiên mà mỗi cá nhân sinh sống, có ảnh hưởng rất lớn đến sự hình thành và phát triển nhân cách của từng cá nhân.
- Gia đình là cộng đồng xã hội đầu tiên đáp ứng nhu cầu quan hệ xã hội của mỗi cá nhân, là môi trường đầu tiên mà mỗi cá nhân học được và thực hiện quan hệ xã hội.

- Gia đình là một trong những cộng đồng để xã hội tác động đến cá nhân. Nhiều thông tin, hiện tượng xã hội thông qua lăng kính gia đình mà tác động tích cực hoặc tiêu cực đến sự phát triển của mỗi cá nhân về tư tưởng, đạo đức, lối sống, nhân cách....

3. Chức năng của gia đình

a. Chức năng tái sản xuất ra con người

- Là chức năng đặc thù của gia đình, đáp ứng nhu cầu tâm, sinh lý tự nhiên của con người, nhu cầu duy trì nòi giống của gia đình, dòng họ và nhu cầu về sức lao động và duy trì sự trường tồn của xã hội.

- Đây còn là vấn đề xã hội, quyết định đến mật độ dân cư và nguồn lực lao động của một quốc gia và quốc tế, là một yếu tố cấu thành của tồn tại xã hội.

b. Chức năng nuôi dưỡng, giáo dục

- Chức năng này thể hiện tình cảm thiêng liêng, trách nhiệm của cha mẹ với con cái và trách nhiệm của gia đình đối với xã hội.

- Là chức năng hết sức quan trọng, góp phần to lớn vào việc đào tạo thế hệ trẻ, cung cấp và nâng cao chất lượng nguồn nhân lực.

- Giáo dục gia đình gắn liền với giáo dục xã hội.

c. Chức năng kinh tế và tổ chức tiêu dùng

- Gia đình tham gia trực tiếp vào quá trình sản xuất và tái sản xuất ra tư liệu sản xuất, tư liệu tiêu dùng, đặc biệt là tái sản xuất sức lao động cho xã hội.

- Gia đình còn là đơn vị tiêu dùng trong xã hội.

- Tùy từng giai đoạn phát triển của xã hội, chức năng kinh tế của gia đình có sự khác nhau về quy mô sản xuất, sở hữu tư liệu sản xuất và cách thức tổ chức sản xuất và phân phối.

- Thực hiện chức năng này, gia đình đảm bảo nguồn sinh sống, đáp ứng nhu cầu vật chất, tinh thần của các thành viên trong gia đình.

d. Chức năng thỏa mãn nhu cầu tâm sinh lý, duy trì tình cảm gia đình

Đây là chức năng thường xuyên của gia đình, bao gồm việc thỏa mãn nhu cầu tình cảm, văn hóa, tinh thần cho các thành viên, đảm bảo sự cân bằng tâm lý, bảo vệ chăm sóc sức khỏe người ốm, người già, trẻ em.

II. CƠ SỞ XÂY DỰNG GIA ĐÌNH TRONG THỜI KỲ QUÁ ĐỘ LÊN CHỦ NGHĨA XÃ HỘI

1. Cơ sở kinh tế - xã hội

- Sự phát triển của lực lượng sản xuất và hình thành quan hệ sản xuất xã hội chủ nghĩa (cốt lõi là chế độ công hữu đối với tư liệu sản xuất chủ yếu) tạo cơ sở kinh tế cho việc xây dựng quan hệ bình đẳng trong gia đình và giải phóng phụ nữ trong xã hội.

- Xóa bỏ chế độ tư hữu về tư liệu sản xuất chủ yếu là nguồn gốc của sự áp bức bóc lột và bất bình đẳng trong xã hội và trong gia đình.

2. Cơ sở chính trị - xã hội

- Thiết lập nhà nước xã hội chủ nghĩa, là công cụ xóa bỏ luật lệ cũ kỹ, lạc hậu, giải phóng phụ nữ và bảo vệ hạnh phúc gia đình.

- Vai trò của hệ thống pháp luật, trong đó có Luật Hôn nhân và Gia đình cùng với hệ thống chính sách xã hội đảm bảo lợi ích của công dân, các thành viên trong gia đình, đảm bảo sự bình đẳng giới...

3. Cơ sở văn hóa

- Những giá trị văn hóa được xây dựng trên nền tảng hệ tư tưởng chính trị của giai cấp công nhân từng bước hình thành và giữ vai trò chi phối nền tảng văn hóa, tinh thần của xã hội, đồng thời những yếu tố văn hóa, phong tục tập quán, lối sống lạc hậu từng bước bị xóa bỏ.

- Sự phát triển của hệ thống giáo dục, đào tạo, khoa học và công nghệ góp phần nâng cao trình độ dân trí, kiến thức khoa học và công nghệ, làm nền tảng cho sự hình thành những giá trị, chuẩn mực mới, điều chỉnh các mối quan hệ gia đình trong quá trình xây dựng chủ nghĩa xã hội.

4. Chế độ hôn nhân tiến bộ

- *Hôn nhân tự nguyện:*

+ Xuất phát từ tình yêu nam nữ, đảm bảo cho nam nữ có quyền tự do trong việc lựa chọn người kết hôn, không chấp nhận sự áp đặt.

+ Quyền tự do ly hôn khi tình yêu nam và nữ không còn.

- *Hôn nhân một vợ một chồng, vợ chồng bình đẳng:*

+ Bản chất của tình yêu là không thể chia sẻ được nên hôn nhân một vợ một chồng là kết quả tất yếu của hôn nhân xuất phát từ tình yêu, là điều kiện đảm bảo hạnh phúc gia đình, đồng thời phù hợp với quy luật tự nhiên, tâm lý, tình cảm, đạo đức con người.

+ Hôn nhân một vợ một chồng xuất hiện khi có sự xuất hiện của chế độ tư hữu song thực chất chỉ thực hiện đối với phụ nữ. Trong thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội, thực hiện hôn nhân một vợ một chồng là thực hiện sự giải phóng đối với phụ nữ, thực hiện sự bình đẳng, tôn trọng lẫn nhau giữa vợ và chồng.

+ Quan hệ vợ chồng bình đẳng là cơ sở cho sự bình đẳng trong quan hệ giữa cha mẹ với con cái và anh chị em với nhau.

- *Hôn nhân được đảm bảo về pháp lý:*

+ Thực hiện thủ tục pháp lý trong hôn nhân thể hiện sự tôn trọng trong tình yêu, trách nhiệm giữa nam và nữ, trách nhiệm của cá nhân với gia đình và xã hội và ngược lại.

+ Là biện pháp ngăn chặn những cá nhân lợi dụng quyền tự do kết hôn, tự do ly hôn để thỏa mãn những nhu cầu không chính đáng, để bảo vệ hạnh phúc của cá nhân và gia đình.

+ Thực hiện thủ tục pháp lý trong hôn nhân không ngăn cản quyền tự do kết hôn và tự do ly hôn chính đáng, mà ngược lại, là cơ sở để thực hiện những quyền đó một cách đầy đủ nhất.

III. XÂY DỰNG GIA ĐÌNH VIỆT NAM TRONG THỜI KỲ QUÁ ĐỘ LÊN CHỦ NGHĨA XÃ HỘI

Những yếu tố tác động đến sự biến đổi gia đình Việt Nam trong thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội:

Một là, sự phát triển của kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa;

Hai là, sự phát triển của công nghiệp hóa, hiện đại hóa gắn với phát triển kinh tế tri thức;

Ba là, sự tác động của xu thế toàn cầu hóa và hội nhập quốc tế sâu rộng;

Bốn là, sự phát triển như vũ bão của cách mạng khoa học và công nghệ hiện đại;

Năm là, chủ trương, chính sách của Đảng và Nhà nước về gia đình.

Năm yếu tố cơ bản trên đây đã tác động mạnh mẽ đến gia đình Việt Nam trong thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội, làm cho gia đình Việt Nam biến đổi toàn diện về quy mô, kết cấu, các chức năng cũng như quan hệ gia đình.

1. Sự biến đổi quy mô của gia đình Việt Nam trong thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội

- Gia đình hạt nhân đang trở nên rất phổ biến ở các đô thị và cả ở nông thôn. Quy mô gia đình ngày nay tồn tại xu hướng thu nhỏ hơn so với trước kia, số thành viên trong gia đình trở nên ít đi. Gia đình Việt Nam hiện đại chỉ có hai thế hệ cùng sống chung: cha mẹ - con cái, số con trong gia đình cũng không nhiều như trước.

- Ảnh hưởng tiêu cực của quá trình biến đổi: tạo ra sự ngăn cách không gian giữa các thế hệ thành viên trong gia đình, tạo khó khăn, trở lực trong việc gìn giữ tình cảm cũng như các giá trị văn hóa truyền thống của gia đình.

2. Biến đổi trong thực hiện các chức năng của gia đình

a. Chức năng tái sản xuất ra con người

- Việc sinh đẻ được các gia đình tiến hành một cách chủ động, tự giác (số lượng và thời điểm sinh con).

- Việc sinh con còn bị điều chỉnh bởi chính sách dân số của Nhà nước, tùy theo tình hình dân số và nhu cầu về sức lao động của xã hội.

- Sự thay đổi trong nhận thức của gia đình về giới tính con cái.

b. Chức năng kinh tế và tổ chức tiêu dùng

- Hiện nay, kinh tế gia đình có hai bước chuyển mang tính bước ngoặt:

- + *Thứ nhất*, bước chuyển từ kinh tế tự cấp tự túc thành kinh tế hàng hóa.

- + *Thứ hai*, bước chuyển từ đơn vị kinh tế mà đặc trưng là sản xuất hàng hóa đáp ứng nhu cầu của thị trường quốc gia thành tổ chức kinh tế của nền kinh tế thị trường hiện đại đáp ứng nhu cầu của thị trường toàn cầu.

- Bối cảnh hội nhập và cạnh tranh giữa các nước trong khu vực và trên thế giới hiện nay khiến kinh tế gia đình gặp nhiều khó khăn, trở ngại trong việc chuyển sang sản xuất hàng hóa theo hướng chuyên sâu, đáp ứng yêu cầu của thị trường hiện đại.

- Sự phát triển của kinh tế hàng hóa và nguồn thu nhập bằng tiền của các gia đình tăng lên làm cho gia đình trở thành đơn vị tiêu dùng quan trọng của xã hội, và chuyển

sang “tiêu dùng sản phẩm do người khác làm ra” - tức là sử dụng hàng hóa và dịch vụ xã hội.

c. Chức năng giáo dục

- Điểm tương đồng giữa giáo dục gia đình truyền thống và giáo dục của xã hội mới là nhấn mạnh sự hy sinh của cá nhân cho cộng đồng.

- Sự đầu tư tài chính của gia đình cho giáo dục con cái tăng lên.

- Vai trò giáo dục của các chủ thể trong gia đình có xu hướng giảm, giáo dục xã hội có xu hướng bao trùm lên giáo dục gia đình.

- Nội dung giáo dục gia đình cũng thay đổi: không chỉ nặng về giáo dục đạo đức, ứng xử trong gia đình, dòng họ, làng xã mà hướng tới giáo dục kiến thức khoa học hiện đại, giáo dục kỹ năng sống, phát triển năng khiếu mọi mặt....

d. Chức năng thỏa mãn nhu cầu tâm sinh lý, duy trì tình cảm

- Trong gia đình Việt Nam hiện nay, nhu cầu thỏa mãn tâm lý - tình cảm đang tăng lên.

- Thay đổi tâm lý trọng nam khinh nữ, bình đẳng nam nữ trong gia đình tăng lên.

3. Biến đổi trong các mối quan hệ gia đình

- Quan hệ vợ chồng, gia đình lỏng lẻo, gia tăng tỷ lệ ly hôn, ly thân, ngoại tình, xuất nhiều bi kịch trong gia đình.

- Có sự thay đổi mô hình người trụ cột trong gia đình:

+ Gia đình truyền thống: người chồng là trụ cột.

+ Gia đình hiện nay tồn tại 3 mô hình: mô hình người chồng làm chủ gia đình, mô hình người vợ làm chủ gia đình, mô hình cả hai vợ chồng làm chủ gia đình.

4. Phương hướng cơ bản để xây dựng và phát triển gia đình Việt Nam trong thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội

- Tăng cường sự lãnh đạo của Đảng, nâng cao nhận thức của xã hội về xây dựng và phát triển gia đình Việt Nam.

- Đẩy mạnh phát triển kinh tế - xã hội, nâng cao đời sống vật chất, kinh tế hộ gia đình.

- Kế thừa những giá trị của gia đình truyền thống đồng thời tiếp thu những tiến bộ của nhân loại về gia đình trong xây dựng gia đình Việt Nam hiện nay.

- Tiếp tục phát triển và nâng cao chất lượng phong trào xây dựng gia đình văn hóa.

Tiêu chí của gia đình văn hóa: gia đình ấm no, hòa thuận, tiến bộ, khỏe mạnh và hạnh phúc; thực hiện tốt nghĩa vụ công dân; thực hiện kế hoạch hóa gia đình; đoàn kết tương trợ trong cộng đồng dân cư.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Bộ Giáo dục và Đào tạo (2021), Giáo trình Chủ nghĩa xã hội khoa học (Dành cho bậc đại học hệ không chuyên lý luận chính trị), Nxb. Chính trị Quốc gia Sự thật, Hà Nội.
2. Hội đồng Trung ương chỉ đạo biên soạn giáo trình Quốc gia các bộ môn khoa học Mác - Lênin (2018), tư tưởng Hồ Chí Minh, Giáo trình Chủ nghĩa xã hội khoa học, Nxb. Chính trị Quốc gia Sự thật, Hà Nội.
3. Ph. Ăngghen (1995), “Nguồn gốc của gia đình, của chế độ tư hữu và của nhà nước”, C. Mác và Ph. Ăngghen toàn tập, Tập 21, tr.41-265, Nxb. Chính trị quốc gia, Hà Nội.
4. Bộ Văn hóa Thể thao và Du lịch (2021), Tiêu chí xây dựng gia đình hạnh phúc, Nxb. Văn hóa dân tộc, Hà Nội.
5. Hoàng Bá Thịnh (2021), *Biến đổi gia đình Việt Nam trong quá trình phát triển*, Nxb. Chính trị Quốc gia, Hà Nội.

DANH MỤC TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Bộ Giáo dục và Đào tạo (2021), *Giáo trình Chủ nghĩa xã hội khoa học* (Dành cho bậc đại học hệ không chuyên lý luận chính trị), Nxb. Chính trị Quốc gia Sự thật, Hà Nội, 2021.
2. Hội đồng Trung ương chỉ đạo biên soạn giáo trình Quốc gia các bộ môn khoa học Mác - Lênin (2018), tư tưởng Hồ Chí Minh, *Giáo trình Chủ nghĩa xã hội khoa học*, Nxb. Chính trị Quốc gia Sự thật, Hà Nội.
3. GS. Đỗ Tư, GS.PTS. Trịnh Quốc Tuấn, PGS.PTS. Nguyễn Đức Bách (Đồng chủ biên) (1998), *Lược khảo lịch sử tư tưởng xã hội chủ nghĩa và cộng sản chủ nghĩa*, Nxb. Chính trị Quốc gia, Hà Nội.
4. Đảng Cộng sản Việt Nam (2008), *Văn kiện Hội nghị 6 Ban chấp hành Trung ương Khóa X*, Nxb. Chính trị Quốc gia, Hà Nội.
5. Bùi Thị Kim Hậu (chủ biên), (2014), *Giáo trình học thuyết sứ mệnh lịch sử của giai cấp công nhân*, Nxb. Chính trị Quốc gia, Hà Nội.
6. Phạm Văn Giang (2019), *Sự biến đổi của giai cấp công nhân Việt Nam dưới tác động của hội nhập quốc tế hiện nay*, Nxb. Lý luận chính trị, Hà Nội.
7. Nguyễn Phú Trọng (2022), *Một số vấn đề lý luận và thực tiễn về chủ nghĩa xã hội và con đường đi lên chủ nghĩa xã hội ở Việt Nam*, Nxb. Chính trị Quốc gia Sự thật, Hà Nội.
8. C. Mác và Ph. Ăngghen (2002), *Toàn tập*, Nxb. Chính trị Quốc gia, Hà Nội, 2002, tập 4, tr. 624.
9. C. Mác và Ph. Ăngghen (1995), “Phê phán cương lĩnh Gôta”, *C. Mác - Ph. Ăngghen toàn tập*, tập 19, tr. 21 - 53, Nxb. Chính trị Quốc gia, Hà Nội.
10. Bùi Thị Lan, Nguyễn Kim Tôn, Nguyễn Anh Tuấn (đồng chủ biên) (2020), *Quan điểm của C. Mác, Ph. Ăngghen, V.I. Lênin, Hồ Chí Minh và Đảng Cộng sản Việt Nam về thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội*, Nxb. Lý luận chính trị.
11. Đảng Cộng sản Việt Nam (2011), *Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XI*, Nxb. Chính trị Quốc gia, Hà Nội.
8. Hồ Chí Minh (2011), *Toàn tập*, Nxb. Chính trị quốc gia, Hà Nội, tập 9, tr. 258.

9. V.I. Lênin (2005), “Cách mạng vô sản và tên phản bội Cau - sky”, *V.I. Lênin toàn tập*, tập 37, tr.285-416, Nxb. Chính trị Quốc gia, Hà Nội.
10. V.I. Lênin (2005), “Về “dân chủ” và chuyên chính”, *V.I. Lênin toàn tập*, tập 37, tr.478 - 484, Nxb. Chính trị Quốc gia, Hà Nội.
11. V.I. Lênin (2005), “Nhà nước và cách mạng”, *V.I. Lênin toàn tập*, tập 33, tr.1-147, Nxb. Chính trị Quốc gia.
12. Phạm Văn Đức (chủ biên), (2017), *Thực hành dân chủ trong điều kiện một đảng duy nhất cầm quyền*, Nxb. Chính trị Quốc gia Sự thật, Hà Nội.
13. C. Mác và Ph. Ăngghen (2017), *Tuyên ngôn của Đảng Cộng sản*, Nxb. Chính trị Quốc gia Sự thật, Hà Nội.
14. C. Mác và Ph. Ăngghen (1995), “Vấn đề nông dân ở Pháp và ở Đức”, *C.Mác - Ph. Ăngghen toàn tập*, Tập 22, tr. 713 - 746, Nxb. Chính trị Quốc gia, Hà Nội.
15. Đỗ Nguyên Phương - Nguyễn Xuân Kiên (đồng chủ biên) (2010), *Cơ cấu xã hội Việt Nam và những vấn đề xã hội bức xúc trong quá trình đổi mới*, Nxb. Chính trị Quốc gia, Hà Nội.
16. Tạ Ngọc Tấn (2013), *Xu hướng biến đổi cơ cấu xã hội Việt Nam*, Nxb. Chính trị Quốc gia, Hà Nội.
17. Nguyễn Thế Thắng (Chủ biên) (2015), *Xây dựng liên minh giai cấp công nhân, giai cấp nông dân và đội ngũ trí thức trong điều kiện mới*, Nxb. Lý luận chính trị, Hà Nội.
15. Học viện Chính trị Quốc gia Hồ Chí Minh (2019), *Giáo trình cao cấp lý luận chính trị Lý luận dân tộc và quan hệ dân tộc ở Việt Nam*, Nxb. Lý luận Chính trị, Hà Nội.
16. Học viện Chính trị quốc gia (2018), *Giáo trình Cao cấp lý luận chính trị Tôn giáo và tín ngưỡng*, Nxb. Lý luận chính trị, Hà Nội.
17. C. Mác (1995) “Phê phán triết học pháp quyền Hêghen - Lời nói đầu” *C. Mác - Ph. Ăngghen toàn tập*, Tập 1, Nxb. Chính trị Quốc gia, Hà Nội.
18. C. Mác - Ph. Ăngghen (2017), *Tuyên ngôn của Đảng Cộng sản*, Nxb. Chính trị Quốc gia Sự thật, Hà Nội.

19. V.I. Lênin (2005), “Vấn đề dân tộc trong cương lĩnh của chúng ta”, *V.I. Lênin toàn tập*, Tập 7, tr. 286 - 298, Nxb. Chính trị Quốc gia, Hà Nội.
20. V.I. Lênin (2005), “Về quyền dân tộc tự quyết”, *V.I. Lênin toàn tập*, Tập 25, tr. 286 - 298, Nxb. Chính trị Quốc gia, Hà Nội, tr. 299 - 376.
21. V.I. Lênin (2005), “Chủ nghĩa xã hội và tôn giáo”, *V.I. Lênin toàn tập*, Tập 12, tr. 169 - 175, Nxb. Chính trị Quốc gia, Hà Nội.
22. J. Stalin, “Chủ nghĩa Mác và vấn đề dân tộc”, Nxb. Sự thật, 1970.
23. Ban Tuyên giáo Trung ương (2017), Hướng dẫn số 44-HD/BTGTW Thực hiện chương trình bồi dưỡng chuyên đề “Vấn đề dân tộc và chính sách dân tộc” (*dùng bồi dưỡng cho cán bộ, đảng viên và nhân dân*)
24. Chính phủ (2022), Nghị quyết số 10/NQ-CP ban hành chiến lược công tác dân tộc giai đoạn 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2045.
25. Nghị quyết số 24-NQ/TW ngày 12/3/2003, Hội nghị lần thứ bảy Ban Chấp hành Trung ương Đảng (khoá IX) về công tác dân tộc.
26. Quốc hội (khóa XIV): “*Luật tín ngưỡng, tôn giáo*”, Kỳ họp thứ hai, thông qua ngày 18/6/2016; có hiệu lực từ 01/01/2018.
27. Ph. Ăngghen (1995), “Nguồn gốc của gia đình, của chế độ tư hữu và của nhà nước”, *C. Mác và Ph. Ăngghen toàn tập*, Tập 21, tr. 41 - 265, Nxb. Chính trị quốc gia, Hà Nội.
28. Bộ Văn hóa Thể thao và Du lịch (2021), *Tiêu chí xây dựng gia đình hạnh phúc*, Nxb. Văn hóa dân tộc, Hà Nội.
29. Hoàng Bá Thịnh (2021), *Biến đổi gia đình Việt Nam trong quá trình phát triển*, Nxb. Chính trị Quốc gia, Hà Nội.